

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ: Thạc sĩ

**Ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn
Văn - Tiếng Việt**

Định hướng: Ứng dụng

Mã ngành: 8140111

Thanh Hóa, năm 2025

Số: 517/QĐ-ĐHHD

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt định hướng ứng dụng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐT ngày 16/8/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định số 297/QĐ-ĐHHD ngày 28/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức; Quyết định số 1837/QĐ-ĐHHD ngày 23/8/2022 và Quyết định 273/QĐ-ĐHHD ngày 14/02/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định 847/QĐ-ĐHHD ngày 17/4/2023 của Hiệu trưởng Trường đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định xây dựng, điều chỉnh, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần tại Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Biên bản họp ngày 20/01/2025 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 47/TB-ĐHHD ngày 14/3/2025 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Hồng Đức về việc thống nhất ban hành 02 Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm 2025;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt định hướng ứng dụng, mã số 8140111 áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm 2025 (có Chương trình đào tạo, Bản mô tả chương trình đào tạo, Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Trường khoa, Trường Bộ môn quản lý ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức quản lý và đào tạo theo đúng Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo đã được phê duyệt.

Điều 3. Trường phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Trường khoa Khoa học xã hội, các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /./

Nơi nhận:

- Hội đồng Trường (để báo cáo);
- Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;
- Hội đồng KH&ĐT Trường;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P. QLĐT SDH.



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo Quyết định số **517**/QĐ-ĐHHD, ngày **17** tháng **3** năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

I. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (Tiếng Việt)	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt
Tên chương trình (Tiếng Anh)	Major of Theory and Teaching Methodology of Vietnamese-Literature
Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
Mã ngành đào tạo	8140111
Khoa/ Bộ môn quản lý chương trình	Ngữ văn
Đối tượng tuyển sinh	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT
Hình thức tuyển sinh	Xét tuyển/ thi tuyển/kết hợp xét tuyển và thi tuyển
Thời gian đào tạo	18-24 tháng
Hình thức đào tạo	- Chính quy - Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng
Số tín chỉ yêu cầu	60 tín chỉ
Điều kiện tốt nghiệp	Khoản 1 Điều 25 trong QĐ số 297/2022/ĐHHD quy định: - Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án đạt yêu cầu; - Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. - Có giấy xác nhận đã nộp đủ đề án và 01 file mềm ghi toàn văn đề án đã chỉnh sửa (bản gốc). - Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp	Thạc sĩ Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt
Vị trí làm việc	- Giảng dạy môn Ngữ văn và các môn học thuộc lĩnh vực Văn, Tiếng Việt trong các cơ sở giáo dục phổ thông, các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp và đào tạo đại học. - Cốt cán môn Ngữ văn trong các cơ sở giáo dục phổ thông, các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp và đào tạo đại học. - Nghiên cứu viên, tư vấn viên, chuyên viên, cán bộ quản lý tại các trung tâm giáo dục và đào tạo, sở giáo dục, phòng giáo dục, các vụ, viện nghiên cứu giáo dục, Bộ GD&ĐT. - Biên tập viên, chuyên viên, cán bộ quản lý tại các cơ quan tạp chí, báo chí, nhà xuất bản của ngành giáo dục. - Quản lý chuyên môn tại các trường phổ thông, các trường cao đẳng, trung cấp, các trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo

	<p>đục thường xuyên.</p> <p>Tiếp tục học lên trình độ tiến sĩ ngành <i>Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt</i> hoặc các ngành phù hợp như: <i>Lý luận văn học; Văn học dân gian; Văn học Việt Nam; Văn học nước ngoài; Ngôn ngữ Việt Nam; Quản lý giáo dục; Giáo dục học; Đo lường và đánh giá trong giáo dục; Thiết kế phương tiện giáo dục, giảng dạy; Giáo dục và phát triển cộng đồng; Giáo dục đặc biệt; Giáo dục Tiểu học; Giáo dục quốc tế và so sánh.</i></p>
<p>Khả năng học tập nâng cao trình độ</p>	
<p>Chương trình tham khảo</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Trường ĐHSP Hà Nội, CTĐT Thạc sĩ ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Văn-Tiếng Việt. Nguồn: https://sdh.hnue.edu.vn/Portals/HNUE_POSTGRA_PROGRAM/603-PPDH-Van-TV-638418357142039980.pdf 2. Trường ĐHSP Hà Nội 2, CTĐT Thạc sĩ LL&PPDH bộ môn Văn-Tiếng Việt. Nguồn: https://philology.hpu2.edu.vn/public/fileupload/source/%C4%90%C3%A0o%20t%E1%BA%A1o/CT%C4%90T%20THAC%20SI/2022LLvaPP.pdf 3. Trường ĐHSP Đà Nẵng, CTĐT Thạc sĩ LL&PPDH bộ môn Văn-Tiếng Việt. Nguồn: https://daotao.ued.udn.vn/wpcontent/uploads/2021/11/LLPPD HBMNV.pdf 4. Trường ĐH Ateneo Manila, Philipin, CTĐT Thạc sĩ Nghệ thuật dạy học tiếng Anh và Văn học, The Master of Arts in English Language and Literature Teaching. Ateneo de manila University, Philipin. Nguồn: http://www.ateneo.edu/ls/soh/english.

II. Mục tiêu, chuẩn đầu ra, chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu

2.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ thạc sĩ ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt có kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết sâu, rộng ở mức độ làm chủ trong phạm vi nghiên cứu và dạy học môn Ngữ văn; có kỹ năng phân biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến; có khả năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong giáo dục và dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt; có khả năng thích ứng nghề nghiệp, làm việc độc lập, sáng tạo để đáp ứng cao chuẩn nghề nghiệp hoặc tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa, quốc gia và hội nhập quốc tế.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

2.1.2.1. Kiến thức

PO1: Mở rộng, nâng cao kiến thức triết học, hiểu rõ cơ sở lý luận của các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước trong thời kỳ đổi mới hiện nay; xác lập vững chắc thế giới quan khoa học và phương pháp luận đúng đắn cho người học làm cơ sở cho việc nhận thức và giải quyết tốt các vấn đề đặt ra trong thực tiễn xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.

PO2: Có kiến thức thực tế, kiến thức liên ngành và chuyên ngành sâu, rộng tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt trong bối cảnh đổi mới giáo dục thế kỉ XXI.

2.1.2.2. Kỹ năng

PO3: Người học phải đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Quốc gia Việt Nam.

PO4: Có khả năng dạy học, phổ biến vận dụng tri thức môn Ngữ văn dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác.

PO5: Có khả năng làm việc độc lập, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu, thông tin trong giáo dục hoặc trong phạm vi dạy học môn Văn - Tiếng Việt một cách khoa học và tiên tiến.

PO6: Có kỹ năng nghiên cứu phát triển, đề xuất, kiểm nghiệm và chuyển giao sử dụng các mô hình, giải pháp mới một cách phù hợp cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục, chất lượng dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt.

2.1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PO7: Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng, những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục hoặc trong phạm vi dạy học Văn - Tiếng Việt.

PO8: Có khả năng thích ứng, tự chủ trong truyền đạt tri thức, thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

2.2. Chuẩn đầu ra

Trong các chuẩn đầu ra cần chi tiết hóa nội dung gồm các PI (*Performance Indication*) (PI là tập con của PLO) để có thể thiết kế ánh xạ ma trận chuẩn đầu ra của học phần đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT:

PLO _m	Nội dung PLO _m	PI _m	Nội dung PI _m
I	Kiến thức		
PLO1	PLO1: Hiểu biết sâu sắc về nguồn gốc, bản chất, vai trò, chức năng của triết học và những nội dung cơ bản của các trường phái triết học trong lịch sử nói chung và triết học Mác - Lênin nói riêng, biết vận dụng kiến thức triết học để phục vụ cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội & nhân văn và giáo dục; hiểu rõ cơ sở lý luận của các chủ chương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới ở nước ta hiện nay.	PI1.1	Hiểu biết sâu sắc về nguồn gốc, bản chất, vai trò, chức năng của triết học và những nội dung cơ bản của các trường phái triết học trong lịch sử nói chung và triết học Mác - Lênin nói riêng.
		PI1.2	Biết vận dụng kiến thức triết học để phục vụ cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội & nhân văn và giáo dục
		PI1.3	Hiểu rõ cơ sở lý luận của các chủ chương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới ở nước ta hiện nay.
PLO2	PLO2: Phân tích, đánh giá, phân biệt kiến thức thực tế, kiến thức liên ngành và chuyên ngành, các nguyên	PI2.1	Phân tích, đánh giá, phân biệt kiến thức thực tế.
		PI2.2	Phân tích, đánh giá, phân biệt kiến thức kiến thức liên ngành.

PLO _m	Nội dung PLO _m	PI _m	Nội dung PI _m
	lí và phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt.	PI2.3	Phân tích, đánh giá, phản biện kiến thức ngành, các nguyên lí và phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt.
II	Kĩ năng		
PLO3	Đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Quốc gia Việt Nam.	PI3.1	Đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ B2 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.
PLO4	Dạy học, phổ biến tri thức Ngữ văn dựa trên nghiên cứu thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác.	PI4.1	Dạy học Ngữ văn dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành hoặc những người khác.
		PI4.2	Phổ biến vận dụng được tri thức Ngữ văn dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với những người cùng ngành hoặc những người khác.
PLO5	Có kĩ năng làm việc độc lập, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu, thông tin về giáo dục hoặc trong phạm vi dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt một cách khoa học, tiên tiến.	PI5.1	Có kĩ năng làm việc độc lập.
		PI5.2	Phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu, thông tin về giáo dục hoặc trong phạm vi dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt một cách khoa học, tiên tiến.
PLO6	Nghiên cứu phát triển, đề xuất, kiểm nghiệm và chuyên giao sử dụng các mô hình, giải pháp mới một cách phù hợp cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục, chất lượng dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt.	PI6.1	Triển khai thực hiện được các nghiên cứu ứng dụng các mô hình, giải pháp, công nghệ mới phù hợp trong lĩnh vực giáo dục và dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt.
		P.16.2	Đề xuất, kiểm nghiệm, chuyên giao sử dụng các mô hình, giải pháp mới một cách phù hợp cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục, chất lượng dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt.
III	Tự chủ và trách nhiệm		
PLO7	Xây dựng được những sáng kiến quan trọng, những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.	PI7.1	Xây dựng được những sáng kiến quan trọng.
		PI7.2	Đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.
PLO8	Thích ứng, tự chủ trong truyền đạt tri thức, tự định hướng và hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.	PI8.1	Có năng lực thích ứng: sẵn sàng tìm hiểu, thử nghiệm và vận dụng các giải pháp, công nghệ mới nâng cao chất lượng giáo dục, cải tiến chất lượng dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt.
		PI8.2	Tự chủ trong truyền đạt, vận hành tri

PLO _m	Nội dung PLO _m	PI _m	Nội dung PI _m
			thức
		PI8.3	Tự định hướng và hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

2.3. Chuẩn đầu vào

a) Đối tượng đăng kí thi tuyển hoặc xét tuyển đầu vào:

Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp.

Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

STT	Ngành phù hợp và ngành học bổ sung kiến thức	Học bổ sung kiến thức
<i>I</i>	<i>Ngành phù hợp</i>	
1	Đại học sư phạm Ngữ văn	Không phải học bổ sung kiến thức
2	Cử nhân văn học (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm)	
3	Cử nhân Ngôn ngữ (có chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm)	
<i>II</i>	<i>Ngành học bổ sung kiến thức</i>	
1	Giáo dục Tiểu học	- Lý luận và Phương pháp dạy học môn Ngữ văn THPT, THCS - Phát triển năng lực dạy học đọc văn bản - Phát triển năng lực dạy học viết văn bản - Phát triển năng lực dạy học nói và nghe trong môn Ngữ văn
2	Văn học	Các học phần học bổ sung: - Tâm lý học - Giáo dục học - Lý luận và Phương pháp dạy học môn Ngữ văn THPT, THCS - Phát triển năng lực dạy học đọc văn bản - Phát triển năng lực dạy học viết văn bản - Phát triển năng lực dạy học nói và nghe trong môn Ngữ văn
3	Ngôn ngữ học	
4	Sáng tác văn học	

Nội dung, thời lượng kiến thức cần học bổ sung cho từng thí sinh được quy định cụ thể trong Thông báo tuyển sinh.

b) Đối tượng ưu tiên:

- Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn ở các địa phương thuộc miền núi, vùng cao, vùng sâu, hải đảo theo quy định của Chính phủ;

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

- Con liệt sĩ;

- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương;

- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

c) Mức ưu tiên:

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng vào kết quả thi một điểm (thang điểm 10) cho môn cơ sở; hoặc cộng vào trung bình chung tích lũy học tập 0,5 điểm (phương thức xét tuyển hoặc thi tuyển kết hợp xét tuyển).

III. Nội dung đào tạo và cấu trúc của chương trình đào tạo

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức, số tín chỉ (TC)	Loại học phần	Số tín chỉ
1	Khối kiến thức chung: 7 TC	Bắt buộc	7 TC
		Tự chọn	0 TC
2	Khối kiến thức cơ sở: 12 TC	Bắt buộc	3 TC
		Tự chọn	09 TC
3	Khối kiến thức chuyên ngành: 26 TC	Bắt buộc	14 TC
		Tự chọn	12 TC
4	Thực tập: 6 TC	Bắt buộc	6 TC
5	Đề án tốt nghiệp: 9 TC	Bắt buộc	9 TC
Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: 60TC			

(Yêu cầu đối với khối lượng học tập, cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo thực sẽ thực hiện theo Điều 2, Điều 3 của Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức (Quyết định số 297/QĐ-ĐHHD ngày 28/01/2022) và Điều 7 và Điều 8 của Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021).

2. Nội dung chương trình và kế hoạch đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học kỳ	Bộ môn phụ trách học phần
				Lý thuyết	Bài tập/ Thảo luận	Thực hành	Tự học		
I			7tc						
1	8THXH1	Triết học	4	42	36		140	1	Lý luận Mác - Lênin
2	8TA001	Tiếng Anh	3	27	18	18	135	1	Ngôn ngữ - Văn hóa và PPDH TA
II			12						
Học phần bắt buộc			3						
3	INV101	Lý thuyết và phương pháp nghiên cứu	3	27	27	9	135	1	Ngữ văn

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học kỳ	Bộ môn phụ trách học phần
				Lý thuyết	Bài tập/ Thảo luận	Thực hành	Tự học		
		văn học hiện đại							
	Học phần tự chọn		9						
4	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>								
	INV104	Ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt	3	27	27	9	135	1	Ngữ văn
5	INV105	Ngôn ngữ và văn học	3	27	27	9	135	1	Ngữ văn
6	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>								
	INV102	Loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam	3	27	27	9	135	1	Ngữ văn
7	INV106	Tiến trình văn học Việt Nam hiện đại nhìn từ góc độ thể loại	3	27	27	9	135	1	Ngữ văn
8	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>								
	INV107	Văn học nhà trường trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông thế giới thế kỉ XXI	3	27	27	9	135	1	Ngữ văn
9	INV108	Xu hướng quốc tế về nghiên cứu ngôn ngữ và việc dạy học tiếng Việt trong nhà trường phổ thông.	3	27	27	9	135	1	Ngữ văn
III	Khối kiến thức chuyên ngành								
	Các học phần bắt buộc		14						
10	INV206	Lí thuyết tiếp nhận văn học	4	36	24	24	180	2	Ngữ văn

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học kỳ	Bộ môn phụ trách học phần
				Lý thuyết	Bài tập/ Thảo luận	Thực hành	Tự học		
		và việc dạy học tác phẩm văn chương ở nhà trường phổ thông							
11	INV215	Phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh phổ thông trong dạy học tiếng Việt	3	27	18	18	135	2	Ngữ văn
12	INV228	Phát triển năng lực tạo lập văn bản cho học sinh phổ thông trong dạy học Ngữ văn	4	36	24	24	180	2	Ngữ văn
13	INV203	Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn	3	27	18	18	135	2	Ngữ văn
	Các học phần tự chọn		12						
14	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>								
	INV301	Câu hỏi trong dạy học đọc văn ở nhà trường phổ thông	3	27	18	18	135	2	Ngữ văn
15	INV302	Vận dụng lí thuyết kí hiệu học vào việc dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông	3	27	18	18	135	2	Ngữ văn
16	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>								
	INV229	Dạy học trải nghiệm trong môn học Ngữ văn và dạy học chương	3	27	18	18	135	3	Ngữ văn

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học kỳ	Bộ môn phụ trách học phần
				Lý thuyết	Bài tập/ Thảo luận	Thực hành	Tự học		
		trình trải nghiệm, hướng nghiệp							
17	INV230	Nghiên cứu khoa học ứng dụng chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt	3	27	18	18	135	3	Ngữ văn
18	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>								
	INV208	Nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông	3	27	18	18	135	3	Ngữ văn
19	INV223	Tổng quan về lịch sử Chương trình Ngữ văn ở trường nhà phổ thông Việt Nam	3	27	18	18	135	3	Ngữ văn
20	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>								
	INV225	Nghiên cứu và dạy học văn bản đa phương thức	3	27	18	18	135	3	Ngữ văn
21	INV226	Nghiên cứu và dạy học văn bản thông tin	3	27	18	18	135	3	Ngữ văn
IV	INVT1	Thực tập	6			180	270	3	Ngữ văn
V	INVDA1	Đề án tốt nghiệp	9			270	405	4	Ngữ văn

IV. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ học tập, nghiên cứu

4.1. Đội ngũ giảng viên

Thống kê đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo. Số lượng, trình độ giảng viên phải phù hợp với Điều 10. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ, Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT.

Trình độ	Nam	Nữ	Tổng
Giáo sư	0	0	0
Phó giáo sư	0	4	4
Tiến sĩ	4	12	16
Thạc sĩ	0	0	0
Đại học	0	0	0

4.2. Phòng học

Phòng học chuyên ngành

Phòng học đa năng trang bị bàn ghế, máy chiếu đa năng, loa đài, tăng âm, máy vi tính nối mạng, cài đặt các phần mềm ứng dụng, có bảng lớn đa năng và các thiết bị dạy học khác đạt tiêu chuẩn cho 1 lớp học từ 30 đến 35 học viên.

Phòng seminar

Đáp ứng tốt yêu cầu sinh hoạt, hội thảo khoa học chuyên ngành cho 50 học viên; có đầy đủ phương tiện hiện đại như Projector, Overheat, bảng, bàn ghế, nối mạng, máy tính,...

Phòng cho học viên tự nghiên cứu

Phòng 30m², trang bị 20 bộ bàn ghế, 1 bảng, 20 máy tính nối mạng Internet, 1 tủ sách và tạp chí chuyên ngành phục vụ cho học viên có thể tự học, tìm tài liệu học tập và tự nghiên cứu.

Phòng học tiếng (LAB)

Đáp ứng yêu cầu cho học viên học tập ngoại ngữ đạt trình độ chuẩn quốc tế, được nối mạng phục vụ cho các kỳ thi tiếng Anh cấp chứng chỉ quốc tế. Số phòng LAB: 3 phòng (đặt tại Khoa Ngoại Ngữ, Trung tâm Giáo dục Quốc tế).

4.3. Thư viện

Nhà trường có 1 trung tâm thư viện hiện đại gồm 5 tầng với diện tích sử dụng trên 4000m², có 3 phòng đọc lớn với 600 chỗ ngồi dành cho bạn đọc, có đầy đủ phương tiện phục vụ học viên đến học tập, tìm kiếm thông tin, truy cập Internet, tìm đọc tài liệu cơ sở, cơ bản và chuyên ngành.

Thư viện được thiết kế theo mô hình thư viện mở. Tại mỗi phòng đọc đều có đầy đủ sách, tài liệu, máy vi tính kết nối truy cập internet.

Có 06 phòng học nhóm (tầng 2, 3) đáp ứng nhu cầu riêng của giảng viên hay cho từng nhóm bạn đọc. Trong các phòng học nhóm có bảng từ, máy chiếu, màn chiếu và thiết bị âm thanh.

Thư viện có phòng dành riêng cho bạn đọc là học viên thạc sĩ và nghiên cứu sinh.

Có 02 phòng bảo vệ luận văn/ Đề án thạc sĩ, 01 phòng họp trực tuyến, 01 phòng mở chuyên tổ chức sự kiện, triển lãm sách.

Hệ thống mạng LAN kết nối internet tốc độ cao với 120 máy tính phục vụ tra cứu.

Thư viện hiện có 165.517 bản sách và tài liệu với 15.927 đầu sách. Trên 3000 luận án, luận văn đã được số hóa và cập nhật lưu trữ trên cơ sở dữ liệu tài nguyên số của phần mềm Libol 6.0.

Thư viện được kết nối chia sẻ sử dụng tài liệu số của dự án thư viện điện tử dùng chung cho các cơ sở Giáo dục Đại học ở Việt Nam khỏi các trường Kinh tế do Ngân hàng Thế giới (Worldbank) tài trợ.

Trên Website Thư viện đã tích hợp thư viện số với trên 1,4 triệu tài liệu đã mua bản quyền truy cập (thuvienso.hdu.edu.vn).

4.4. Địa điểm thực hành/ thực tập/ thực tế/ tham quan:

TT	Cơ quan/ Địa điểm
1	Trường Liên cấp thực hành trường đại học Hồng Đức
2	105 trường THPT, 600 trường THCS, trường Tiểu học trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và các cơ sở giáo dục phổ thông của các tỉnh, thành phố khác.
3	27 Trung tâm GDTX-GDNN trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và các tỉnh, thành phố khác.

V. Đề cương học phần

8THXH1. Triết học/ Philosophy

- Số tín chỉ: 04 (42 Lý thuyết, 36 Thảo luận)
- Mã học phần: 8THXH1
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần Triết học (Dành cho cao học khối KHXH&NV) gồm 8 chương. Chương 1: Giới thiệu tổng quan về triết học, bao gồm nguồn gốc, bản chất, vai trò, chức năng và sự hình thành phát triển triết học trong lịch sử. Chương 2: Khái quát quan điểm về bản thể luận trong lịch sử triết học và khẳng định tính khoa học trong quan niệm về bản thể luận của triết học Mác – Lênin. Các chương 3, 4, 5, 6, 7, 8 trình bày một cách có hệ thống lý luận triết học Mác – Lênin và sau quan điểm, mỗi nội dung lý luận, đều rút ra ý nghĩa phương pháp luận, đều chỉ ra sự vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận ấy trong quá trình đổi mới ở Việt Nam.

Năng lực đạt được: Hình thành cho người học được tư duy lôgic, thế giới quan duy vật, phương pháp luận khoa học, cách mạng khi xem xét và giải quyết các vấn đề trong hoạt động thực tiễn. Nắm vững cơ sở lý luận của các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước trong suốt quá trình cách mạng Việt Nam. Vận dụng được lý luận triết học Mác-Lênin để đánh giá các đúng các hiện tượng xã hội hiện đại và giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động thực tiễn và hoạt động nhận thức của bản thân.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Cũng cố kiến thức triết học Mác – Lênin đã được học ở bậc Đại học. Mở rộng và nâng cao hiểu biết về các nền triết học thế giới từ cổ đại đến hiện đại. Hiểu rõ cơ sở lý luận của các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong thời kỳ đổi mới hiện nay.

CO2: Rèn luyện và phát triển tư duy lôgic, biện chứng cho người học. Giúp người học vận dụng được những kiến thức đã học vào việc tiếp cận và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.

CO3: Người học có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, cởi mở và thiện chí trong giải quyết các vấn đề liên quan đến công việc. Có thái độ khách quan, nghiêm túc trong quá trình nghiên cứu môn học để đạt được hiệu quả cao nhất trong quá trình học tập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Học viên có hiểu biết sâu sắc về nguồn gốc, bản chất, vai trò, chức năng, hệ thống các nguyên lý, quy luật, phạm trù của triết học Mác – Lênin. Khái quát hóa được những đặc điểm cơ bản của các nền triết học thế giới từ cổ đại đến hiện đại.

CLO2: Vận dụng được kiến thức đã học vào việc nghiên cứu và giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn thuộc lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.

CLO3: Người học nhận thức đúng được vai trò của triết học trong đời sống, đặc biệt là trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện. Hình thành ở người học phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng. Đủ năng lực vận dụng kiến thức triết học để nắm bắt và độc lập giải quyết những vấn đề liên quan đến các vấn đề liên quan đến chuyên ngành đào tạo.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1	4	4	0	0	0	12
Chương 2	5	4	0	0	0	15
Chương 3	8	6	0	0	0	24
Chương 4	4	4	0	0	0	12
Chương 5	8	6	0	0	0	24
Chương 6	4	4	0	0	0	12
Chương 7	4	4	0	0	0	12
Chương 8	5	4	0	0	0	15
Tổng	42	36	0	0	0	180

Chương 1: Khái luận về triết học (4 tiết lý thuyết, 4 tiết thảo luận)

1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học

1.1. Triết học và đối tượng của triết học

1.2. Vấn đề cơ bản của triết học và chức năng cơ bản của triết học

2. Sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử

2.1. Những vấn đề có tính quy luật của sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử

2.2. Sự ra đời và phát triển của triết học phương Đông

2.3. Sự ra đời và phát triển của triết học phương Tây

2.4. Khái lược về sự ra đời và phát triển tư tưởng triết học Việt Nam thời phong kiến

3. Triết học Mác - Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội

3.1. Triết học Mác - Lênin

3.2. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội

4. Sự kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam

Chương 2: Bản thể luận (5 tiết lý thuyết, 4 tiết thảo luận)

1. Khái niệm bản thể luận và nội dung bản thể luận trong lịch sử triết học phương Đông, phương Tây

1.1. Khái niệm bản thể luận

1.2. Một số nội dung cơ bản của bản thể luận trong triết học phương Đông (Ấn độ và Trung Hoa cổ - trung đại) và giá trị của nó

1.3. Một số nội dung cơ bản của bản thể luận triết học phương Tây trong lịch sử đương đại và giá trị của nó

2. Nội dung bản thể luận trong triết học Mác-Lênin

2.1. Cách tiếp cận giải quyết vấn đề bản thể luận trong triết học Mác - Lênin

2.2. Quan niệm của triết học Mác - Lênin về vật chất

2.3. Quan điểm của triết học Mác-Lênin về nguồn gốc và bản chất của ý thức

2.4. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức trong hoạt động thực tiễn

3. Mối quan hệ khách quan - chủ quan và ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

3.1. Mối quan hệ khách quan và chủ quan

3.2. Nguyên tắc kết hợp tôn trọng khách quan với phát huy tính năng động chủ quan trong nhận thức và thực tiễn

3.3. Vấn đề kết hợp tôn trọng khách quan với phát huy tính năng động chủ quan trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay

Chương 3: Phép biện chứng (8 tiết lý thuyết, 6 tiết thảo luận)

1. Khái quát về sự hình thành, phát triển của phép biện chứng trong lịch sử

2. Các nguyên lý và quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật

2.1. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật

2.2. Các quy luật cơ bản và các cặp phạm trù của phép biện chứng duy vật

3. Những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật trong nhận thức và thực tiễn

3.1. Những nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật

3.2. Sự vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật trong quá trình đổi mới ở Việt Nam

Chương 4: Nhận thức luận (4 tiết lý thuyết, 4 tiết thảo luận)

1. Các quan niệm chính trong lịch sử triết học về nhận thức

2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng

2.1. Các nguyên tắc và đối tượng của lý luận nhận thức duy vật biện chứng

2.2. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức

2.3. Biện chứng của quá trình nhận thức

2.4. Quan điểm biện chứng duy vật về chân lý

3. Phương pháp đặc thù của nhận thức xã hội

4. Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

4.1. Nội dung của nguyên tắc

4.2. Vận dụng nguyên tắc thống nhất lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

Chương 5: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội (8 tiết lý thuyết, 6 tiết thảo luận)

1. Các phương pháp tiếp cận khác nhau về xã hội và sự vận động, phát triển của lịch sử nhân loại

2. Những nội dung khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội

2.1. Sản xuất vật chất là nền tảng của sự vận động, phát triển xã hội

2.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

2.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội

2.4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên

3. Giá trị khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

3.1. Vấn đề lựa chọn con đường phát triển của xã hội Việt Nam

3.2. Vấn đề phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Chương 6: Triết học chính trị (4 tiết lý thuyết, 4 tiết thảo luận)

1. Các quan niệm về chính trị trong lịch sử triết học

1.1. Quan niệm của triết học ngoài mácxít về chính trị

1.2. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về chính trị

1.3. Quan niệm đương đại về hệ thống chính trị

2. Các phương diện cơ bản về chính trị trong đời sống xã hội

2.1 Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp

2.2. Dân tộc và vấn đề quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại

2.3. Nhà nước - Tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị

3. Vấn đề đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay

3.1. Vấn đề phát huy dân chủ ở Việt Nam hiện nay

3.2. Vấn đề đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay

3.3. Vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay

3.4. Ý nghĩa của đổi mới chính trị đối với việc nghiên cứu, phát triển khoa học xã hội và nhân văn

Chương 7: Ý thức xã hội (4 tiết lý thuyết, 4 tiết thảo luận)

1. Khái niệm tồn tại xã hội, ý thức xã hội

1.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản hợp thành tồn tại xã hội

1.2. Khái niệm ý thức xã hội và kết cấu cơ bản của ý thức xã hội

2. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội

2.1 Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội

2.2. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội và vai trò của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội

3. Xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay

3.1. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và tính tất yếu của việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay

3.2 Một số vấn đề cơ bản của việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay

Chương 8: Triết học về con người (5 tiết lý thuyết, 4 tiết thảo luận)

1. Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử

1.1. Triết học phương Đông

1.2. Triết học phương Tây trước Mác

1.3. Quan niệm về con người trong một số trào lưu triết học ngoài mác-xít đương đại

2. Quan điểm triết học Mác – Lênin về con người

2.1. Khái niệm con người

2.2. Các phương diện tiếp cận nguồn gốc, bản chất con người

2.3. Hiện tượng tha hoá của con người và vấn đề giải phóng con người

3. Vấn đề con người trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh

4. Vấn đề phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

4.1. Quan niệm triết học về nhân tố con người

4.2. Phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay

5. Hình thức dạy - học

Liệt kê các hình thức dạy học sử dụng trong học phần (Ví dụ: thuyết trình, thảo luận, thực hành, tham quan...).

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO...
Thuyết trình	X			
Vấn đáp		X	X	
Tự học	X	X	X	
Thảo luận	X	X	X	
Thực hành				

Hướng dẫn				
Hoạt động nhóm			X	
Nghiên cứu tình huống		X	X	

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Điểm chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1 CLO2 CLO3	10%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1 CLO2 CLO3	
Kiểm tra thường xuyên				
2	Viết tiểu luận	Rubric 3 (đánh giá tiểu luận)	CLO1 CLO2	30%
Thi kết thúc học phần				
3	Viết	Rubric 4 (đánh giá bài thi viết)	CLO1 CLO2	60%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Học viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Học viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Kế hoạch tư vấn

Học viên được cung cấp trước đề cương chi tiết học phần, trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/ Tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Giáo trình Triết học* (dành cho Cao học khối Khoa học xã hội và nhân văn), Nxb Đại học sư phạm Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Hữu Vui (1997) *Lịch sử triết học*, Nxb CTQG, Hà Nội

8TA001. Tiếng Anh

- Số tín chỉ: 3 (27 LT, 18TH, 18TL)

- Mã học phần: 8TA001

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngôn ngữ - Văn hóa và PP giảng dạy tiếng Anh

- Điều kiện tiên quyết: đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh bậc Đại học (bậc 3/6 theo

Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo *Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT*).

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức về ngữ pháp ở trình độ trung cấp như kiến thức về thì, so sánh, câu điều kiện, động từ tình thái, câu trần thuật, câu hỏi đuôi,

mệnh đề quan hệ, đảo ngữ trong tiếng Anh; kiến thức về từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ điểm quen thuộc cũng như các lĩnh vực chuyên môn; các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ trung cấp; các kỹ năng làm bài thi Tiếng Anh theo định hướng bậc 4/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Hệ thống hóa kiến thức về ngôn ngữ tiếng Anh: ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng liên quan đến các chủ điểm quen thuộc và lĩnh vực chuyên môn (Kiến thức).

CO2: Vận dụng được các kiến thức ngôn ngữ Anh để thực hành 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thành thạo ở bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (Kỹ năng).

CO3: Có sự yêu thích đối với học phần, có thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập, tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, làm việc nhóm cũng như chủ động tự học, tự nghiên cứu (Mức tự chủ và chịu trách nhiệm).

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Hệ thống hóa vốn từ vựng, ngữ pháp ở trình độ B2.

CLO2: Phân tích và vận dụng các kỹ thuật nghe hiểu từ khóa, nghe hiểu và nhận biết được các thông tin chính trong hội thoại và các thông tin trình bày trên đài, tivi.

CLO3: Tự nhiên hóa các cách thức giao tiếp về các vấn đề quen thuộc, trình bày ý kiến về các chủ đề văn hóa, hiểu cách tham gia đàm thoại, thể hiện quan điểm cá nhân và trao đổi thông tin cá nhân.

CLO4: Xác định và vận dụng các chiến thuật đọc hiểu: khảo sát bài đọc trước khi đọc, đọc nhanh để tìm ý chính của bài đọc, đọc lướt để tìm các thông tin chi tiết, đoán nghĩa của từ trong ngữ cảnh, đưa ra suy luận.

CLO5: Xác định và vận dụng các kỹ thuật Viết những dạng văn bản khác nhau để xây dựng một bài văn miêu tả, thư cá nhân, văn kể chuyện, mẫu đơn, thư tín, thư điện tử, hiểu và nhớ cách thức ghi truyền đạt thông tin, ý kiến về những chủ đề cụ thể.

CLO6: Hình thành khả năng làm việc theo nhóm, thảo luận, thuyết trình bằng tiếng Anh; chủ động tiếp thu kiến thức và sử dụng tiếng Anh trên lớp học cũng như trong các tình huống thực tế.

4. Nội dung chi tiết học phần

Unit 1: Bands and Fands

(2LT, 1TH, 1TL)

1.1 Grammar: Present simple vs present continuous

1.2. Practise skills

Unit 2: Relative values

(2LT, 1,5TH, 1,5TL)

2.1. vocabulary: People and society

2.2. -ing form or infinitive

2.3. Practise skills

Unit 3: Things that matter

(2LT, 1TH, 1TL)

3.1. Grammar: Present perfect and past simple

3.2. Practise skills

Unit 4: Battling nature

(2LT, 1TH, 1TL)

4.1. Grammar: Articles

4.2. Practise skills

Unit 5: Eat your heart out!

(2LT, 1,5TH, 1,5TL)

5.1. Grammar: Countable and uncountable nouns

5.2. Vocabulary: Food and drink

5.3. Practise skills

Unit 6: On camera

(2LT, 1,5TH, 1,5TL)

- 6.1. Future time
 6.2. Vocabulary: Entertainment
 6.3. Practise skills
Unit 7: A home from home (1LT, 2TH, 2TL)
 7.1. Modal verbs
 7.2. Practise skills
Unit 8: Moving on! (2LT, 1,5TH, 1,5TL)
 8.1. Vocabulary: Work and Business
 8.2. Reported speech
 8.3. Practise skills
Unit 9: Lucky break (2LT, 1,5TH, 1,5TL)
 9.1. Conditionals
 9.2. Vocabulary: Hobbies, sport and games
 9.3. Practise skills
Unit 10: Virtual friend (2LT, 1TH, 1TL)
 10.1. Conditionals (special cases)
 10.2. Practise skills
Unit 11: Living on the edge (2LT, 1TH, 1TL)
 11.1. Conditionals (mixed)
 11.2. Practise skills
Unit 12: Crime science (2LT, 1TH, 1TL)
 12.1. Modal verbs (obligation, prohibition, and necessity)
 12.2. Practise skills
Unit 13: Who are you again (2LT, 1TH, 1TL)
 13.1. Modal verbs (ability)
 13.2. Practise skills
Unit 14: Say what you mean (2LT, 1,5TH, 1,5TL)
 14.1. Vocabulary: Science and Technology
 14.2. Revision

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần					
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết trình			X			X
Vấn đáp		X	X			X
Tự học	X	X	X	X	X	X
Thảo luận	X	X	X		X	X
Thực hành	X	X	X	X	X	X
Hoạt động nhóm	X	X	X	X	X	X

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (Đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1	20%
			CLO4	
			CLO5	

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
			CLO6	
2	Tham gia thảo luận, Thuyết trình	Rubric 2,3 (Đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
			CLO6	
Kiểm tra thường xuyên				
1	Viết	Rubric 5 (Kiểm tra viết)	CLO1	30%
			CLO4	
			CLO5	
			CLO6	
Thi cuối kì				
1	Viết	Rubric 5 (Thi viết)	CLO1	50%
			CLO4	
			CLO5	
			CLO6	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với học viên

- Học viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên);
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như: làm việc cá nhân, thảo luận nhóm, phát biểu ý kiến xây dựng bài,...;
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của học phần;
- Tham gia thi, kiểm tra, đánh giá đầy đủ;
- Tự học ở nhà có sự hướng dẫn của giáo viên.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí 1 buổi ôn tập và giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu tham dạy học

10.1. Giáo trình/ Tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Jan Bell and Amanda Thomas (2005), *Gold First*, Pearsons (Kí hiệu HLBB1).

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Malcolm Man and Steve Taylor Knowles (2006), *Destination B2: Grammar and Vocabulary*, Macmillan Education.
2. Nguyễn Thị Quyết (2019), *Ngữ pháp căn bản Tiếng Anh trình độ A*, NXB Thanh Hóa.
3. Nguyễn Thị Quyết (2019), *Ngữ pháp căn bản Tiếng Anh trình độ B*, NXB Thanh Hóa.

INV101. Lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học hiện đại/ Theorys and methods of modern literature research

- Số tín chỉ: 03 (27 Lý thuyết, 27 Thảo luận, 09 Thực hành)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ Văn
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học hiện đại của các trường phái nghiên cứu văn học trên thế giới. Học phần bao gồm các phương pháp nghiên cứu như: Phương pháp tiểu sử, Trường phái văn hóa – lịch sử, Huyền thoại học, Tiến hóa luận văn học, Trường phái lịch sử – tinh thần, Chủ nghĩa hình thức Nga, Lý thuyết phê bình mới, Lý thuyết phân tích văn hóa, Phê bình tưởng tượng, Chủ nghĩa hiện sinh, Xã hội học cấu trúc, Tự sự học, Thi pháp học cấu trúc, Chủ nghĩa hậu cấu trúc, Mỹ học tiếp nhận.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học hiện đại.

CO2: Người học vận dụng được những kiến thức về lý thuyết văn học cùng các phương pháp nghiên cứu văn học hiện đại trong học tập, nghiên cứu, giảng dạy văn học trong nhà trường phổ thông cũng như các lĩnh vực nghiên cứu khác.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Người học hiểu và nắm vững những nội dung chuyên sâu về các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học hiện đại trong học phần.

CLO2: Người học vận dụng thành thạo những phương pháp nghiên cứu văn học hiện đại trong học phần vào việc nghiên cứu, giảng dạy, phê bình các tác phẩm văn học cụ thể theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

CLO3: Người học thấy được những giá trị khoa học từ những lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học hiện đại được trang bị, có ý thức cao, chủ động, tích cực trong việc ứng dụng những lý thuyết và phương pháp nghiên cứu hiện đại trong nghiên cứu, phê bình và giảng dạy văn học trong nhà trường cũng như trong các lĩnh vực nghiên cứu khác.

4. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung 1. Những vấn đề chung (05 LT, 04 TL, 00 TH)

- 1.1. Những yêu cầu của thực tế nghiên cứu văn học
- 1.2. Giới thuyết về các lý thuyết và phương pháp

Nội dung 2. Các phương pháp nghiên cứu (05 LT, 05 TL, 02 TH)

- 2.1. Khái niệm phương pháp tiểu sử
- 2.2. Sainte Beuve và phương pháp tiểu sử học
- 2.3. Tác giả Jakov Grimm và phương pháp huyền thoại học
- 2.4. Huyền thoại đạo đức
- 2.5. Về những nghiên cứu của C.G. Jung
- 2.6. Quan hệ của tâm lý học phân tích đối với sáng tạo văn học nghệ thuật
- 2.7. Những lý thuyết văn học của Eliot
- 2.8. Truyền thống và tài năng cá nhân

Nội dung 3. Các trường phái nghiên cứu (04 LT, 04 TL, 02 TH)

- 3.1. Cơ sở hình thành
- 3.2. Những nội dung cơ bản của nghiên cứu Văn hóa – Lịch sử
- 3.3. Wilhelm Dilthey và trường phái lịch sử – tinh thần
- 3.4. Sức mạnh của tưởng tượng thi ca và khởi nguyên của thi pháp
- 3.5. Quan niệm về tác phẩm văn học trong thời gian
- 3.6. Các yếu tố của Phê bình văn học
- 3.7. Nhà phê bình Northrop Frye
- 3.8. Giải phẫu phê bình

Nội dung 4. Chủ nghĩa hình thức, Chủ nghĩa hiện sinh (04 LT, 04 TL, 02 TH)

- 4.1. Khái niệm
- 4.2. Nghệ thuật như là thủ pháp
- 4.3. Quan điểm triết học hiện sinh của Jean Paul Sartre
- 4.4. Viết để làm gì?

Nội dung 5. Xã hội học cấu trúc, Thi pháp học cấu trúc, Chủ nghĩa hậu cấu trúc (05 LT, 05 TL, 02 TH)

- 5.1. Tác giả Lucien Goldmann
- 5.2. Phương pháp cấu trúc phát sinh trong lịch sử văn học
- 5.3. Về tác giả Roman Jakobson
- 5.4. Ngôn ngữ học và thi pháp học
- 5.5. Chủ nghĩa cấu trúc và hậu cấu trúc
- 5.6. Chủ nghĩa hậu cấu trúc

Nội dung 6. Mỹ học tiếp nhận (04 LT, 05 TL, 01 TH)

- 6.1. Về tác giả Hans Robert Jauss
- 6.2. Lịch sử văn học như là sự khiêu khích đối với khoa học văn học

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần		
	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết trình	X	X	
Vấn đáp	X		
Tự học	X	X	
Thảo luận	X	X	
Thực hành	X		X
Hướng dẫn		X	
Hoạt động nhóm	X	X	X
Nghiên cứu tình huống		X	X
Dự án			X

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp theo TKB	Rubric 1	CLO1-04	20%
2	Thảo luận, thuyết trình	Rubric 2,3	CLO2	
Kiểm tra thường xuyên				
	Viết	Rubric 5	CLO2, CLO3	30%
Thi cuối kì				
	Viết	Rubric 5	CLO2-3	50%
Thang điểm				10

(Xem Phụ lục Rubrics đánh giá người học ở cuối bản CTĐT này)

7. Yêu cầu đối với người học

Người học phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan; cuối học phần, nếu người học yêu cầu, giảng viên sẽ có 01 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc.

9. Trang thiết bị

Phòng học vừa đủ rộng để chia nhóm thảo luận; có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình; tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/ Tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Nhiều tác giả (2019), *Các lý thuyết và phương pháp văn học*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. R.Wellek và A.Waren (2009), *Lý luận văn học*, Nxb Văn học.

2. Đỗ Đức Hiểu (2000), *Thi pháp hiện đại*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.

Chọn 1 trong 2 học phần:

INV104. Ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt/ Language in the communication culture of the Vietnamese people

- Số tín chỉ: 03 (27, 30, 6)
- Mã học phần: INV104
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản, cần yếu về Ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt gồm: Khái quát về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp; Giao tiếp bằng ngôn ngữ; Các yếu tố văn hóa chi phối giao tiếp bằng ngôn ngữ của người Việt; Một số đặc trưng cơ bản của văn hóa trong ngôn ngữ giao tiếp của người Việt.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Nắm được những kiến thức cơ bản, cần yếu về Ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt gồm: Khái quát về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp; giao tiếp bằng ngôn ngữ; các yếu tố văn hóa chi phối giao tiếp bằng ngôn ngữ của người Việt; một số đặc trưng cơ bản của văn hóa trong ngôn ngữ giao tiếp của người Việt.

CO2: Phát triển năng lực cần thiết trong việc vận dụng những kiến thức cơ bản của Ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt vào công việc nói chung.

CO3: Chủ động, tích cực, sáng tạo trong việc vận dụng tri thức về ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp người Việt vào việc phát hiện, giải quyết những vấn đề cụ thể đặt ra trong quá trình tìm hiểu, nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông. Từ đó nâng cao nhận thức về phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ của bản thân và về việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Hiểu, phân tích được những vấn đề về ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp người Việt như: những kiến thức nền tảng về ngôn ngữ, văn hóa, giao tiếp; hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ; các yếu tố văn hóa chi phối giao tiếp bằng ngôn ngữ của người Việt; một số đặc trưng cơ bản của văn hóa trong ngôn ngữ giao tiếp của người Việt.

CLO2: Vận dụng được hệ thống kiến thức ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt vào phân tích, luận giải các vấn đề cụ thể, vào giảng dạy Ngữ văn và thực tiễn công việc.

CLO3: Có kỹ năng phân biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề về ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt; có kỹ năng truyền đạt, kỹ năng tư vấn chuyên môn, thảo luận các vấn đề về ngôn ngữ văn hóa với người học, với đồng nghiệp và với những người khác.

CLO4: Thể hiện năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề về ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt; có tư duy độc lập, sáng tạo và ý thức trách nhiệm cao trong học tập, nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn trong nhà trường; có khả năng tự định hướng; có năng lực ra quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định trong lĩnh vực nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ Việt Nam.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Khái quát về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp

[17 tiết (LT7, BT/TL8, TH2)]

- 1.1. Khái quát về ngôn ngữ
 - 1.1.1. Khái niệm ngôn ngữ
 - 1.1.2. Tính hệ thống của ngôn ngữ
 - 1.1.3. Đặc điểm ngôn ngữ tiếng Việt
- 1.2. Khái quát về văn hóa (đối với việc giao tiếp)
 - 1.2.1. Khái niệm văn hóa
 - 1.2.2. Tính hệ thống của văn hóa
 - 1.2.3. Đặc trưng văn hóa cơ bản của người Việt
- 1.3. Khái quát về giao tiếp
 - 1.3.1. Khái niệm giao tiếp
 - 1.3.2. Các hình thức giao tiếp
 - 1.3.3. Vai trò của giao tiếp
- 1.4. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa trong giao tiếp
 - 1.4.1. Giao tiếp với văn hóa
 - 1.4.2. Văn hóa và giao tiếp

Chương 2: Giao tiếp bằng ngôn ngữ [19 tiết (LT7, BT/TL10, TH2)]

- 2.1. Khái niệm giao tiếp bằng ngôn ngữ
- 2.2. Các hình thức giao tiếp bằng ngôn ngữ
 - 2.2.1. Giao tiếp bằng hình thức nói
 - 2.2.2. Giao tiếp bằng hình thức viết
- 2.3. Vai trò của giao tiếp bằng ngôn ngữ
 - 2.3.1. Vai trò của hình thức giao tiếp nói
 - 2.3.2. Vai trò của hình thức giao tiếp viết

Chương 3: Các yếu tố văn hóa chi phối giao tiếp bằng ngôn ngữ của người Việt

[19 tiết (LT7, BT/TL10, TH2)]

- 3.1. Các yếu tố cận lời và phi lời trong văn hóa giao tiếp của người Việt
 - 3.1.1. Các yếu tố cận lời
 - 3.1.2. Các yếu tố phi lời
- 3.2. Các yếu tố cơ bản của văn hóa chi phối giao tiếp của người Việt
 - 3.2.1. Yếu tố về tuổi
 - 3.2.2. Yếu tố về địa vị xã hội
 - 3.2.3. Yếu tố về giới tính

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	√	√	√	
Vấn đáp	√	√	√	
Tự học	√	√	√	√
Thảo luận	√	√	√	√
Thực hành	√	√	√	√
Hướng dẫn			√	√
Hoạt động nhóm	√	√	√	√
Nghiên cứu tình huống		√	√	√
Chuyên đề	√	√	√	
Đồ án				

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp theo TKB	Rubric 1	CLO1-04	20%
2	Thảo luận, thuyết trình	Rubric 2,3	CLO2	
Kiểm tra thường xuyên				
	Viết	Rubric 5	CLO2 CLO3	30%
Thi cuối kì				
	Viết	Rubric 5	CLO2-4	50%
Thang điểm				10

(Xem Phụ lục rubrics đánh giá người học ở cuối bản CTĐT này)

7. Yêu cầu đối với người học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lí thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học**10.1. Giáo trình/ Tài liệu tham khảo bắt buộc**

1. Hữu Đạt (2009), *Đặc trưng ngôn ngữ và văn hóa giao tiếp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Hữu Châu (2001), *Đại cương ngôn ngữ học*, Tập 2, Ngữ dụng học, Nxb Giáo dục, HN.

2. Trần Ngọc Thêm (2000), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục.

INV105. Ngôn ngữ và văn học / Linguistics and Literature

- Số tín chỉ: 03 (27, 30, 6)

- Mã học phần: INV105
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: BM Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản của ngôn ngữ trong mối quan hệ với văn học. Đó là quan niệm về ngôn ngữ, về các chức năng của ngôn ngữ, về đặc tính của nghệ thuật văn chương trong hệ thống các loại hình nghệ thuật, về sự chi phối của chất liệu ngôn ngữ đối với các quá trình sáng tác và tiếp nhận văn chương cũng như đối với các tác phẩm văn chương. Lý thuyết về hoạt động giao tiếp ngôn ngữ được vận dụng vào lĩnh vực văn chương góp phần khẳng định bản chất giao tiếp của văn chương, phân xuất những đặc điểm của giao tiếp trong văn chương. Học phần còn cung cấp cơ sở lý thuyết về tín hiệu và hệ thống tín hiệu ngôn ngữ, từ đó lý giải bản chất và đặc điểm của tín hiệu ngôn ngữ và tín hiệu thẩm mỹ trong văn chương; mối quan hệ và sự chuyển hóa từ tín hiệu ngôn ngữ sang tín hiệu thẩm mỹ; nguồn gốc và phương thức xây dựng tín hiệu thẩm mỹ, tính chất của tín hiệu thẩm mỹ.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Nắm được kiến thức cơ bản của ngôn ngữ trong mối quan hệ với văn học: ngôn ngữ là chất liệu của nghệ thuật văn chương, giao tiếp ngôn ngữ đời thường và giao tiếp trong văn chương, tín hiệu ngôn ngữ và tín hiệu thẩm mỹ trong văn chương.

CO2: Phát triển năng lực nghiên cứu các hiện tượng ngôn ngữ trong tác phẩm văn học và ngược lại, nghiên cứu, tiếp nhận tác phẩm văn học từ góc độ ngôn ngữ; phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ chính xác, linh hoạt, đạt được hiệu quả giao tiếp.

CO3: Chủ động, tích cực, sáng tạo trong việc vận dụng tri thức ngôn ngữ và văn học vào việc phát hiện, giải quyết những vấn đề cụ thể đặt ra trong quá trình tìm hiểu, nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn ở trường phổ thông. Từ đó nâng cao nhận thức về phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ của bản thân và về việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Hiểu, phân tích, giải thích được những vấn đề cơ bản như chức năng làm chất liệu cho tác phẩm văn học của ngôn ngữ, đặc điểm của hoạt động giao tiếp ngôn ngữ đời thường và giao tiếp trong văn chương, đặc điểm của tín hiệu thẩm mỹ và mối quan hệ giữa tín hiệu ngôn ngữ đời thường và tín hiệu thẩm mỹ trong văn học. Từ đó thấy được mối quan hệ qua lại giữa ngôn ngữ và văn học, thấy được sự tương đồng và khác biệt giữa ngôn ngữ đời thường và ngôn ngữ văn chương.

CLO2: Vận dụng được hệ thống kiến thức ngôn ngữ và văn học vào phân tích, luận giải các vấn đề cụ thể của ngôn ngữ, của văn học, vào giảng dạy Ngữ văn và thực tiễn công việc.

CLO3: Có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề về ngôn ngữ và văn học; có kỹ năng truyền đạt, kỹ năng tư vấn chuyên môn, thảo luận các vấn đề về ngôn ngữ, văn học và mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn học với người học, với đồng nghiệp và với những người khác.

CLO4: Thể hiện năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề về ngôn ngữ và văn học; có tư duy độc lập, sáng tạo và ý thức trách nhiệm cao trong học tập, nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn trong nhà trường; có khả năng tự định hướng; có năng lực ra quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định trong lĩnh vực nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Ngôn ngữ - chất liệu của nghệ thuật văn chương

[19 tiết (LT:7; BT/TL: 10; TH: 2)]

1. Quan niệm về ngôn ngữ
2. Chức năng của ngôn ngữ
 - 2.1. Chức năng giao tiếp
 - 2.2. Chức năng nhận thức, tư duy
 - 2.3. Chức năng thẩm mỹ
 - 2.4. Chức năng giải trí
 - 2.5. Chức năng siêu ngôn ngữ
3. Văn chương trong hệ thống các loại hình nghệ thuật

Chương 2. Giao tiếp ngôn ngữ đời thường và giao tiếp trong văn chương

[22 tiết (LT: 10; BT/TL: 10; TH: 2)]

1. Giao tiếp ngôn ngữ đời thường
 - 1.1. Giản yếu về giao tiếp ngôn ngữ
 - 1.2. Các nhân tố và các quá trình trong giao tiếp ngôn ngữ
2. Giao tiếp trong văn chương
 - 2.1. Quan niệm về giao tiếp trong văn chương
 - 2.2. Đặc điểm của giao tiếp trong văn chương
 - 2.2.1. Về nhân vật giao tiếp
 - 2.2.2. Về ngữ cảnh giao tiếp
 - 2.2.3. Về đặc tính siêu ngôn ngữ
 - 2.2.4. Về mục đích và chức năng
 - 2.2.5. Về hành động ngôn ngữ và hàm ý

Chương 3. Từ tín hiệu ngôn ngữ đến tín hiệu thẩm mỹ trong văn chương

[22 tiết (LT: 10; BT/TL: 10; TH: 2)]

1. Tín hiệu ngôn ngữ
 - 1.1. Khái niệm
 - 1.2. Các tính chất cơ bản của tín hiệu ngôn ngữ
 - 1.2.1. Tín hiệu ngôn ngữ là tín hiệu nhân tạo
 - 1.2.2. Tín hiệu ngôn ngữ là tín hiệu âm thanh
 - 1.2.3. Tín hiệu ngôn ngữ luôn có hai mặt: cái biểu đạt và cái được biểu đạt
 - 1.2.4. Tín hiệu ngôn ngữ có tính hình tuyến
 - 1.2.5. Tín hiệu ngôn ngữ mang tính đa trị
 - 1.2.6. Tín hiệu ngôn ngữ mang tính biểu cảm
 - 1.2.7. Tín hiệu ngôn ngữ mang tính hệ thống
2. Tín hiệu thẩm mỹ
 - 2.1. Khái niệm
 - 2.2. Quan hệ giữa tín hiệu ngôn ngữ và tín hiệu thẩm mỹ
 - 2.3. Nguồn gốc của tín hiệu thẩm mỹ
 - 2.4. Phương thức xây dựng tín hiệu thẩm mỹ
 - 2.4.1. Ấn dụ
 - 2.4.2. Hoán dụ
 - 2.5. Các tính chất của tín hiệu thẩm mỹ
 - 2.5.1. Tính hình tuyến
 - 2.5.2. Tính có lí do
 - 2.5.3. Tính hàm súc
 - 2.5.4. Tính cá thể
 - 2.5.5. Tính dân tộc

2.5.6. Tính biểu cảm

2.5.7. Tính hệ thống

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	√	√	√	
Vấn đáp	√	√	√	
Tự học	√	√	√	√
Thảo luận	√	√	√	√
Thực hành	√	√	√	√
Hướng dẫn			√	√
Hoạt động nhóm	√	√	√	√
Nghiên cứu tình huống		√	√	√
Chuyên đề	√	√	√	
Đồ án				

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1	CLO1-4	20%
2	Thảo luận, thuyết trình	Rubric 2,3	CLO2-3	
Kiểm tra thường xuyên				
	Viết luận	Rubric 5	CLO1 CLO2 CLO4	30%
Thi cuối kì				
	Viết luận	Rubric 5	CLO1 CLO2 CLO4	50%
Thang điểm				10

(Xem Phụ lục Rubrics đánh giá người học ở cuối bản CTĐT này)

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lí thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/ Tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Bùi Minh Toán (2012), *Ngôn ngữ với văn chương*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Lai (1996), *Ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận văn học*, Nxb Giáo dục.

Chọn 1 trong 2 học phần:

INV102. Loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam/ Type of authors in Vietnamese medieval literature

- Số tín chỉ: 3 (27 Lý thuyết, 30 Thảo luận, 6 Thực hành)
- Mã học phần: INV102
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Vận dụng lý thuyết loại hình học để tìm hiểu một phương diện cơ bản của loại hình học trong nghiên cứu văn học là loại hình tác giả; triển khai nghiên cứu ứng dụng vào lịch sử văn học Việt Nam: mô tả, hệ thống hóa, phân loại đối với các loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam. Bao gồm kiểu tác giả vua chúa, tướng lĩnh; kiểu tác giả văn học Thiền sư và kiểu tác giả văn học nhà nho. Trong đó, kiểu tác giả văn học nhà Nho có số lượng đông đảo nhất, để lại nhiều nhất về số lượng tác phẩm cũng như những tác phẩm có giá trị trong văn học truyền thống.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Người học có được kiến thức chuyên sâu về cơ sở, điều kiện của quá trình hình thành, phát triển loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam. Trên cơ sở đó, người học hiểu, trình bày, giải thích được khái niệm về kiểu tác giả văn học trung đại Việt Nam: kiểu tác giả vua chúa, quan lại, tướng lĩnh; kiểu tác giả thiền sư, nhà nho, bình dân, ... với những điểm tương đồng và khác biệt giữa các kiểu tác giả văn học ấy.

CO2: Người học có được kỹ năng nghiên cứu và giảng dạy văn học dưới góc độ loại hình: loại hình văn học và loại hình tác giả văn học, khuynh hướng và trào lưu văn học; có kỹ năng vận dụng kiến thức về loại hình tác giả văn học để phân loại, so sánh các kiểu tác giả văn học khác nhau trong nền văn học dân tộc cũng như kỹ năng viết, thuyết trình và thảo luận về các vấn đề đó.

CO3: Người học có thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo trong việc vận dụng những kiến thức lý thuyết và thực tiễn về loại hình tác giả văn học trung đại nói riêng và loại hình tác giả văn học nói chung trong nghiên cứu và giảng dạy văn học sử. Có ý thức giữ gìn, truyền bá và bảo lưu những giá trị văn chương Việt Nam thời trung đại, đặc biệt là các trước tác của các nhà thơ, nhà văn hóa lớn.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Người học nhận diện và hệ thống hóa được các kiểu tác giả văn học trung đại Việt Nam.

CLO2: Người học có khả năng luận giải và đánh giá về các kiểu tác giả văn học trung đại Việt Nam với các loại hình tác giả trong nền văn học dân tộc.

CLO3: Người học có khả năng vận dụng kiến thức lý luận và thực tiễn về loại hình tác giả văn học trung đại để nghiên cứu và giảng dạy các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam.

4. Nội dung học phần

Chương 1. Khái quát về loại hình học và loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam

[19 (8 LT, 9 TL, 2 TH)]

1.1. Khái niệm loại hình, loại hình học, loại hình tác giả văn học

1.1.1. Loại hình

1.1.2. Loại hình học

- 1.1.3. Loại hình tác giả văn học
 1.2. Khái quát về loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam
 1.2.1. Cơ sở hình thành, phát triển
 1.2.2. Phân loại kiểu tác giả văn học trung đại Việt Nam

Chương 2. Một số kiểu tác giả văn học trung đại Việt Nam [25 (11 LT, 12 TL, 2 TH)]

- 2.1. Kiểu tác giả vua chúa, tướng lĩnh
 2.1.1. Cơ sở xuất hiện
 2.1.2. Đặc điểm sáng tác
 2.1.3. Thành tựu sáng tác và đóng góp cho văn học
 2.2. Kiểu tác giả văn học Thiền sư
 2.2.1. Cơ sở xuất hiện
 2.2.2. Đặc điểm sáng tác
 2.2.3. Thành tựu sáng tác và đóng góp cho văn học
 2.3. Kiểu tác giả văn học nhà nho
 2.3.1. Cơ sở xuất hiện
 2.3.2. Đặc điểm sáng tác
 2.3.3. Thành tựu sáng tác và đóng góp cho văn học

Chương 3. So sánh loại hình tác giả văn học [19 (8 LT, 9 TL, 2 TH)]

- 3.1. So sánh các kiểu tác giả văn học trung đại Việt Nam
 3.1.1. Kiểu tác giả vua chúa, tướng lĩnh với tác giả nhà nho
 3.1.2. Kiểu tác giả Thiền sư với tác giả nhà nho
 3.2. So sánh các kiểu tác giả trong nền văn học dân tộc
 3.2.1. Kiểu tác giả văn học trung đại với tác giả văn học dân gian
 3.2.2. Kiểu tác giả văn học trung đại với tác giả văn học hiện đại

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần		
	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết trình	X	X	
Vấn đáp	X		
Tự học	X	X	
Thảo luận	X	X	
Thực hành	X		X
Hướng dẫn		X	
Hoạt động nhóm	X	X	
Nghiên cứu tình huống		X	X
Chuyên đề			X

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 2	CLO1-3	20%
3	Thuyết trình	Rubric 3	CLO1, CLO2 CLO3	
Kiểm tra thường xuyên				
	Viết tiểu luận giữa kỳ	Rubric 5	CLO1 CLO2	30%
Thi cuối kì				50%

W

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CL03	
Thang điểm				10

(Xem Phụ lục Rubrics đánh giá người học ở cuối bản CTĐT này)

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan; cuối học phần, nếu người học yêu cầu, giảng viên sẽ có 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/ Tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Trần Đình Hượu (1999), *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Trần Ngọc Vương (1999), *Loại hình học tác giả văn học nhà nho tài tử và văn học Việt Nam*, Nhà xuất bản ĐHQG, Hà Nội.

2. Biện Minh Điền (2015), *Loại hình văn học trung đại Việt Nam*, Nhà xuất bản Đại học Vinh.

1NV106. Tiến trình văn học Việt Nam hiện đại nhìn từ góc độ thể loại/ The process of modern Vietnamese literature from the perspective of genre

- Số tín chỉ: 3 (27 Lý thuyết, 30 Thảo luận, 6 Thực hành)
- Mã học phần: 1NV106
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ Văn
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp một số kiến thức lý thuyết cơ bản, chuyên sâu về về tiến trình văn học, thể loại văn học; sự hình thành, vận động, phát triển của thể loại văn học Việt Nam hiện đại qua các giai đoạn của thời kỳ văn học hiện đại; những tác động từ điều kiện khách quan, chủ quan đến sự hình thành, vận động phát triển của các thể loại trong tiến trình văn học Việt Nam hiện đại; những đặc điểm của mỗi chặng vận động; những thành công và hạn chế của các thể loại cơ bản trong tiến trình văn học hiện đại Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Người học có kiến thức khoa học, hệ thống, chuyên sâu, tiên tiến về tiến trình văn học Việt Nam hiện đại nhìn từ góc độ thể loại: hiểu, trình bày, giải thích được các khái niệm *Tiến trình văn học*, *Thể loại văn học*; các thể loại trong hệ thống thể loại văn học hiện đại; quá trình hình thành, vận động phát triển của các thể loại trong tiến trình văn học Việt Nam hiện đại; những đặc điểm của mỗi chặng; những thành công và hạn chế; qua đó thấy được thể loại là một tiêu chí quan trọng để phân kì văn học, thấy

được các đặc điểm, thành tựu của mỗi chặng vận động và phát triển của văn học hiện đại Việt Nam.

CO2: Người học có kỹ năng vận dụng kiến thức đã tiếp nhận vào việc giảng dạy Ngữ văn ở các bậc trung học và phân văn học Việt Nam hiện đại ở bậc giáo dục chuyên nghiệp; có kỹ năng nhận biết, đề xuất và giải quyết các vấn đề nghiên cứu có tính chuyên sâu và tương đối phức tạp về tiến trình văn học Việt Nam hiện đại nhìn từ góc độ thể loại, cũng như kỹ năng viết, thuyết trình và thảo luận về các vấn đề đó.

CO3: Người học có thái độ nghiêm túc, có tinh thần sáng tạo trong giải quyết một vấn đề thuộc khoa học Văn học, có niềm yêu thích đối với văn học hiện đại Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

CLO1: Người học thông hiểu khái niệm Tiến trình, Tiến trình văn học hiện đại Việt Nam, Thể loại văn học...

CLO2: Người học có kiến thức cơ bản, chuyên sâu, tiên tiến về hệ thống thể loại trong tiến trình văn học Việt Nam hiện đại: quá trình vận động, những đặc điểm cơ bản...; có cái nhìn so sánh trong tiếp cận thể loại văn học hiện đại.

CLO3: Người học có khả năng vận dụng những kiến thức lý thuyết và thực tiễn về thể loại để nghiên cứu/ cảm thụ/ phê bình, giảng dạy các vấn đề/ tác phẩm thuộc thể loại văn học Việt Nam hiện đại.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1. Những vấn đề lý luận chung [20 (10 LT, 8 TL, 0 TH)]

1.1. Khái niệm, thuật ngữ

1.1.1. Tiến trình văn học

1.1.2. Phân biệt Tiến trình văn học và Lịch sử văn học

1.1.3. Thể loại văn học

1.1.4. Thể loại văn học hiện đại

1.2. Các quy luật vận động của tiến trình văn học

1.2.1. Quy luật giao lưu, ảnh hưởng giữa các hiện tượng văn học

1.2.2. Quy luật kế thừa, cách tân nghệ thuật

1.2.3. Quy luật không lặp lại của nghệ thuật

1.3. Một số căn cứ để phân kỳ tiến trình văn học

1.3.1. Phân kỳ dựa theo phong cách sáng tác

1.3.2. Phân kỳ dựa theo loại hình thi pháp

1.3.3. Phân kỳ dựa theo phương pháp/ khuynh hướng sáng tác

1.3.4. Phân kỳ dựa theo sự hình thành, phát triển, tương tác giữa các thể loại

Chương 2. Giai đoạn hình thành các thể loại văn học hiện đại trong nền văn học Việt Nam (từ đầu thế kỷ XX đến 1945) [24 (10 LT, 12 TL, 2 TH)]

2.1. Điều kiện lịch sử, xã hội, văn hóa của sự ra đời các thể loại văn học hiện đại

2.1.1. Cuộc xâm lược của thực dân Pháp

2.2. Sự thay đổi của hình thái kinh tế - xã hội

2.2.3. Những điều kiện mới về văn hóa

2.2. Sự vận động nội tại của văn học

2.2.1. Văn học vận động theo hướng hiện đại hóa, thoát ly hệ hình trung đại

2.2.2. Tiếp thu nhiều ảnh hưởng tích cực từ văn học nước ngoài, nhất là văn học Pháp

2.3. Những đặc điểm cơ bản của văn học

2.3.1. Hình thành được một hệ thống thể loại văn học hiện đại

2.3.2. Nền văn học đạt được nhiều thành tựu ở các thể loại văn học hiện đại

Chương 3. Sự vận động của thể loại văn học hiện đại trong điều kiện văn học thực hiện nhiệm vụ đấu tranh giải phóng dân tộc (từ 1945 đến 1975)
[24 (10 LT, 12 TL, 2 TH)]

- 3.1. Những điều kiện lịch sử, văn hóa, xã hội tác động đến văn học
 - 3.1.1. Văn học vận động và phát triển trong điều kiện chiến tranh
 - 3.1.2. Văn học có nhiệm vụ trở thành mặt trận tư tưởng trong đấu tranh cách mạng
- 3.2. Sự vận động nội tại của văn học
 - 3.2.1. Kế thừa thành tựu về thể loại của văn học giai đoạn trước
 - 3.2.2. Xuất hiện một số thể loại mới trong bối cảnh đặc thù
- 3.3. Những đặc điểm cơ bản của văn học
 - 3.3.1. Khuynh hướng sử thi trong một số thể loại văn học cơ bản
 - 3.3.2. Những hiện tượng mang tính cách tân thể loại

Chương 4. Sự phát triển của các thể loại văn học hiện đại trong bối cảnh đổi mới và hội nhập thế giới (từ sau 1975) [24 (10 LT, 12 TL, 2 TH)]

- 4.1. Những điều kiện lịch sử, văn hóa, xã hội tác động đến văn học
 - 4.1.1. Chiến tranh kết thúc, đất nước bước vào thời kỳ hậu chiến đầy khó khăn
 - 4.1.2. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và chủ trương đổi mới
 - 4.1.3. Công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập thế giới
- 4.2. Sự vận động nội tại của văn học
 - 4.2.1. Kế thừa thành tựu về thể loại của các giai đoạn trước
 - 4.2.2. Tiếp thu rộng rãi các lý thuyết thể loại của các nền văn học tiên tiến
- 4.3. Những đặc điểm cơ bản của văn học
 - 4.3.1. Thể loại văn học có sự phát triển phong phú, đa dạng
 - 4.3.2. Nhiều thể loại văn học hiện đại đạt được thành tựu nổi bật

5. Hình thức dạy học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần		
	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết trình	X	X	X
Vấn đáp	X		
Tự học	X	X	X
Thảo luận	X	X	
Thực hành	X		
Hướng dẫn		X	
Hoạt động nhóm	X	X	
Nghiên cứu tình huống		X	X
Chuyên đề			X

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 2	CLO1-3	20%
3	Thuyết trình	Rubric 3	CLO1, CLO2 CLO3	
Kiểm tra thường xuyên				
	Viết tiểu luận giữa kỳ	Rubric 5	CLO1 CLO2	30%
Thi cuối kì				50%

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CL03	
Thang điểm				10

(Xem Phụ lục Rubrics đánh giá người học ở cuối bản CTĐT này)

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan; cuối học phần, nếu người học yêu cầu, giảng viên sẽ có 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/ Tài liệu tham khảo chính

1. Phan Cự Đệ (2004), *Văn học Việt Nam thế kỷ XX*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Lê Bá Hán - Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi (1997), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

2. Nhiều tác giả (2004), *Từ điển văn học (bộ mới)*, Nxb Thế giới, Hà Nội.

3. Trần Đình Sử (chủ biên) (2021), *Lược sử văn học Việt Nam*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

Chọn 1 trong 2 học phần

1NV107. Văn học nhà trường trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông thế giới thế kỷ XXI/ School literature in the perspective of innovating elementary and secondary education in the world in the 21st century

- Số tín chỉ: 03 (LT27, TH18, TL18)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần cập nhật, bổ sung kiến thức khái quát về xu thế, yêu cầu cơ bản của đổi mới giáo dục phổ thông trên thế giới thế kỷ XXI; kiến thức hiện đại, nâng cao về bản chất, ý nghĩa của văn chương, vai trò, tác dụng của văn học trong nhà trường đối với đời sống của cá nhân học sinh; mối quan hệ và khoảng cách giữa văn học trong nhà trường với đời sống văn hóa, chính trị, kinh tế xã hội của đất nước; định hướng những vấn đề cần tập trung khai thác để giáo dục HS thông qua văn học góp phần phát triển nhân cách, cá tính HS đáp ứng mục tiêu Chương trình giáo dục môn Ngữ văn 2018 và yêu cầu phát triển của xã hội, thời đại.

Học phần phát triển năng lực phát hiện, đề xuất và thực hiện được các đề tài khảo sát, nghiên cứu về thực trạng chương trình và PPDH đọc văn trong nhà trường; đề xuất được các giải pháp khai thác khả năng của văn học trong việc giáo dục HS đáp ứng mục tiêu Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018.

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

CO1: Phát triển khả năng khái quát, phân tích các xu thế, yêu cầu cơ bản của đổi mới giáo dục phổ thông trên thế giới thế kỉ XXI; những vấn đề thời sự về bản chất, ý nghĩa của văn chương, vai trò, tác dụng của văn học trong nhà trường đối với đời sống của cá nhân học sinh;

CO2: Phát triển khả năng khảo sát, đánh giá thực trạng dạy học văn ở nhà trường phổ thông hiện nay; xác định được những thuận lợi, khó khăn; mối quan hệ và khoảng cách giữa văn học trong nhà trường với đời sống văn hóa, chính trị, kinh tế xã hội của đất nước;

CO3: Phát triển khả năng xác định và lựa chọn những vấn đề cần tập trung khai thác để giáo dục HS thông qua văn học góp phần phát triển nhân cách, cá tính HS đáp ứng mục tiêu Chương trình giáo dục môn Ngữ văn 2018 và yêu cầu phát triển của xã hội, thời đại.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Trình bày được xu thế, yêu cầu cơ bản của đổi mới giáo dục phổ thông trên thế giới thế kỉ XXI, phát biểu được quan điểm riêng về vai trò của văn học nhà trường đối với việc giáo dục học sinh.

CLO2: Phân tích, lí giải được bản chất, ý nghĩa, vai trò của văn học trong nhà trường đối với đời sống của cá nhân học sinh trong bối cảnh mới.

CLO3: Khảo sát, đánh giá được thực trạng dạy học văn ở nhà trường phổ thông hiện nay; mối quan hệ và khoảng cách giữa văn học trong nhà trường với đời sống xã hội, đời sống của cá nhân học sinh.

CLO4: Đề xuất được các giải pháp đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn ở nhà trường phổ thông; phát hiện và đề xuất được các vấn đề nghiên cứu góp phần khai thác hiệu quả khả năng giáo dục HS thông qua văn học đáp ứng mục tiêu Chương trình giáo dục môn Ngữ văn 2018.

3. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Bối cảnh giáo dục phổ thông thế giới thế kỉ XXI và đổi mới giáo dục phổ thông ở Việt Nam [13 tiết (LT7, TH3, TL3)]

- 1.1. Sự phát triển của khoa học công nghệ và đổi mới giáo dục phổ thông ở Việt Nam
- 1.2. Bốn trụ cột của giáo dục thế giới thế kỉ XXI và đổi mới giáo dục phổ thông ở Việt Nam
- 1.3. Lí thuyết về đa dạng trí thông minh và đổi mới giáo dục phổ thông ở Việt Nam
- 1.4. Môn Ngữ văn ở nhà trường phổ thông Việt Nam trước bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông trên thế giới

Chương 2: Đặc trưng, bản chất và con đường tác động của văn chương đối với bạn đọc – học sinh [13 tiết (LT7, TH3, TL3)]

- 1.1. Bối cảnh văn hóa, xã hội hiện nay
- 1.2. Bản chất, ý nghĩa của văn chương
- 1.3. Đặc điểm tác động của văn chương đối với người đọc
 - 1.3.1. Con đường tác động
 - 1.3.2. Cơ chế chuyển hóa
 - 1.3.3. Cường độ tác động của văn chương

Chương 3: Mối quan hệ và khoảng cách giữa văn học nhà trường với đời sống xã hội và đời sống của cá nhân học sinh [17 tiết (LT7, TH5, TL5)]

- 2.1. Khái niệm văn học và văn học trong nhà trường
 - 2.1.1. Khái niệm văn học

- 2.1.2. Khái niệm văn học trong nhà trường
- 2.2. Tác phẩm văn học và tác phẩm văn học trong nhà trường
- 2.3. Mối quan hệ và khoảng cách giữa văn học trong nhà trường với đời sống xã hội
- 2.3.1. Mối quan hệ và khoảng cách giữa nội dung chương trình, SGK phần Văn và đời sống xã hội
- 2.3.2. Mối quan hệ và khoảng cách giữa nội dung CT, SGK phần Văn và tâm lí, hứng thú của HS
- 2.3.3. Mối quan hệ và khoảng cách giữa PPDH của giáo viên và nhu cầu khám phá sáng tạo của HS
- 2.3.4. Mối quan hệ và khoảng cách giữa văn học nhà trường và quan niệm của xã hội về vai trò, vị trí của môn Ngữ văn
- 2.4. Tính phức tạp của môn Ngữ văn và lao động dạy Văn trong nhà trường

Chương 3: Sức mạnh và sứ mạng của văn học nhà trường trong bối cảnh đất nước hiện nay [20 tiết (LT10, TH5, TL5)]

- 3.1. Tiềm năng và vị thế của Việt Nam hiện nay
- 3.2. Giáo dục HS những phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam thông qua văn học
- 3.3. Giáo dục HS nhận thức những điểm yếu của lớp trẻ và con người Việt Nam thông qua văn học
- 3.4. Phát triển trí tuệ xúc cảm (EQ) cho HS qua dạy học Văn
- 3.5. Phát triển chỉ số vượt khó (AQ) cho HS qua dạy học Văn
- 3.6. Phát triển kỹ năng tư duy cho HS qua dạy học Văn
- 3.6.1. Phát triển kỹ năng tư duy phê phán cho HS qua dạy học Văn
- 3.6.2. Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo cho HS qua dạy học Văn

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	X	X	X	x
Vấn đáp	X	X	X	x
Tự học	X	X	X	x
Thảo luận	X	X	X	x
Thực hành	X	X	X	x
Hướng dẫn			X	x
Hoạt động nhóm		X	X	x
Nghiên cứu tình huống			X	x
Chuyên đề				
Đồ án			X	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 2	CLO1-3	20%
3	Thuyết trình	Rubric 3	CLO1, CLO2 CLO3	
Kiểm tra thường xuyên				
	Viết tiểu luận giữa kỳ	Rubric 5	CLO2 CLO3	30%

Thi cuối kì				50%
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CL03, CLO4	
Thang điểm				10

(Xem Phụ lục Rubrics đánh giá người học ở cuối bản CTĐT này)

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/ Tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Phan Trọng Luận (2008), *Văn học nhà trường - nhận diện, tiếp cận, đổi mới*, NXB ĐHSP HN 2008.

2. Phan Trọng Luận (2011), *Văn học nhà trường - những điểm nhìn*, NXB ĐHSP HN.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Tzvetan Todorov (2011), *Văn chương lâm nguy*, (Trần Huyền Sâm, Đan Thanh dịch), Trung tâm nghiên cứu Quốc học và NXB Văn học.

2. Nguyễn Thanh Hùng (2021), *Lí luận và PP dạy học Văn – Cội nguồn, bản sắc, giá trị*, Nxb Đại học sư phạm.

1NV108. Xu hướng quốc tế về nghiên cứu ngôn ngữ và việc dạy học tiếng Việt trong nhà trường phổ thông/ Global trends in language research and Vietnamese language teaching in high schools

- Số tín chỉ: 03

- Mã học phần: 1NV108.

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn

- Điều kiện tiên quyết: Các môn cơ sở ngành về ngôn ngữ, lí luận văn học, văn học

1. Mô tả học phần

Học phần phát triển năng lực nghiên cứu về ngôn ngữ nói chung, Việt ngữ học nói riêng trong mối quan hệ với xu hướng nghiên cứu về ngôn ngữ quốc tế và việc dạy tiếng Việt trong nhà trường đáp ứng nhu cầu đổi mới. giáo dục Trên cơ sở đó, học viên có khả năng vận dụng thành quả nghiên cứu ngôn ngữ học quốc tế vào dạy học tiếng Việt theo chương trình, Sách giáo khoa mới, nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh phổ thông theo hướng hiện đại.

Học phần phát triển năng lực nghiên cứu, phân tích và lí giải được những vấn đề lí luận về ngôn ngữ quốc tế, Việt ngữ học, từ đó có khả năng vận dụng năng lực này vào thực tế dạy học tiếng Việt ở phổ thông hiện nay.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Phát triển năng lực nghiên cứu, phân tích những vấn đề cơ bản về xu hướng nghiên cứu ngôn ngữ học ở Quốc tế, xu hướng nghiên cứu Việt ngữ học và xác

định rõ mối quan hệ của những xu hướng nghiên cứu này với việc dạy tiếng Việt trong nhà trường phổ thông hiện nay.

CO2: Phát triển năng lực tiếp cận tiếng Việt ở nhà trường theo định hướng đổi mới, chú trọng phát triển năng lực ngôn ngữ và hình thành được hệ thống năng lực ngôn ngữ cho học sinh.

CO3: Vận dụng thành tựu của ngôn ngữ học quốc tế để dạy học tiếng Việt trong nhà trường, đáp ứng yêu cầu đổi mới của ngôn ngữ học hiện đại nói riêng và yêu cầu đổi mới giáo dục nói chung.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Xác định, phân tích và đánh giá được bối cảnh thời đại, thành tựu mới của nghiên cứu ngôn ngữ và Việt ngữ học, sự tác động của những yếu tố này đến đổi mới dạy học tiếng Việt trong nhà trường.

CLO2: Phát triển khả năng tiếp cận năng lực trong dạy học tiếng Việt. Đó chính là sự hiểu biết về năng lực, các thành phần cấu năng lực, cấu trúc năng lực ngôn ngữ, hệ thống năng lực ngôn ngữ cần hình thành cho HS trong dạy học tiếng Việt trong nhà trường phổ thông.

CLO3: Vận dụng những thành tựu mới về nghiên cứu ngôn ngữ của thế giới để tiếp cận, xây dựng nội dung, phương pháp, kiểm tra- đánh giá trong dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông.

CLO4: Chủ động, tích cực, sáng tạo, ứng dụng nội dung học phần vào thực tiễn nghiên cứu khoa học giáo dục Ngữ văn để giải quyết các vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông và nhà trường các cấp.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Xu hướng quốc tế về nghiên cứu ngôn ngữ và việc dạy tiếng Việt trong nhà trường [21 tiết (LT9, TH6, TL6)]

1.1. Bối cảnh thời đại

1.1.1. Sự phát triển của xã hội

1.1.2. Sự phát triển của người học

1.1.3. Xu thế quốc tế về giáo dục

1.2. Thành tựu mới của nghiên cứu ngôn ngữ và Việt ngữ học

1.2.1. Thành tựu mới của nghiên cứu ngôn ngữ trên thế giới và khu vực

1.2.2. Thành tựu mới của nghiên cứu Việt ngữ học.

1.2.3. Xu hướng đổi mới của việc dạy học tiếng Việt trong nhà trường.

Chương 2: Tiếp cận năng lực trong dạy học tiếng Việt ở nhà trường [21 tiết (LT9, TH6, TL6)]

2.1. Các quan niệm về năng lực; cấu trúc năng lực

2.1.1. Định nghĩa năng lực

2.1.2. Cấu trúc năng lực, năng lực ngôn ngữ

2.1.3. Hệ thống năng lực ngôn ngữ cần hình thành cho HS trong dạy học tiếng Việt trong nhà trường phổ thông

2.2. Thực hành phân tích bối cảnh đổi mới nghiên cứu ngôn ngữ và việc dạy tiếng Việt trong nhà trường phổ thông hiện nay

Chương 3: Đổi mới dạy học tiếng Việt theo xu thế mới về nghiên cứu ngôn ngữ [21 tiết (LT9, TH6, TL6)]

3.1. Đổi mới nội dung dạy học tiếng Việt theo những thành tựu mới về nghiên cứu ngôn ngữ trong chương trình môn Ngữ văn

3.1.1. Xây dựng nội dung dạy học tiếng Việt theo những thành tựu mới về nghiên cứu ngôn ngữ

3.1.2. Phát triển chương trình môn Ngữ văn theo những thành tựu mới về nghiên cứu ngôn ngữ và việc dạy tiếng Việt trong nhà trường

3.2. Đổi mới phương pháp dạy học tiếng Việt trong nhà trường theo những thành tựu mới về nghiên cứu ngôn ngữ

3.2.1. Đổi mới phương pháp dạy học tiếng Việt theo những thành tựu nghiên cứu mới về ngôn ngữ

3.2.2. Đổi mới kiểm tra, đánh giá tiếng Việt trong nhà trường theo những thành tựu mới về nghiên cứu ngôn ngữ

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	X	X		
Vấn đáp	X	X	X	x
Tự học	X	X	X	x
Thảo luận	X	X	X	x
Thực hành	X	X	X	x
Hướng dẫn			X	x
Hoạt động nhóm	X	X	X	
Nghiên cứu tình huống			X	x
Chuyên đề				
Đồ án			X	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 2	CLO1-3	20%
3	Thuyết trình	Rubric 3	CLO1, CLO2 CLO3	
Kiểm tra thường xuyên				
	Viết tiểu luận giữa kỳ	Rubric 5	CLO2 CLO3	30%
Thi cuối kì				
	Viết	Rubric 5	CLO1-4	50%
Thang điểm				10

(Xem Phụ lục Rubrics đánh giá người học ở cuối bản CTĐT này)

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/ Tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Đỗ Ngọc Thống (Tổng Chủ biên), Bùi Minh Đức (Chủ biên) (2018), *Đạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn trung học phổ thông*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Bùi Minh Toán, *Tiếng Việt ở THPT* (2002), Nxb Đại học sư phạm.

1PV206. Lí thuyết tiếp nhận văn học và việc dạy học tác phẩm văn chương ở nhà trường phổ thông/ The theory of literary reception and the teaching of literary in secondary schools

- Số tín chỉ: 04 (LT36, TH22, TL26)
- Bộ môn phụ trách dạy học: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Không.

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần khái quát, nâng cao những kiến thức chuyên sâu, có hệ thống về lí thuyết tiếp nhận văn học và việc vận dụng vào dạy học đọc văn trong nhà trường bao gồm: các khuynh hướng lí thuyết tiếp nhận văn học; quan điểm, những thành tựu và hạn chế của các lí thuyết tiếp nhận văn học, đặc biệt là lí thuyết tiếp nhận của người đọc; gợi mở quan điểm, nguyên tắc vận dụng lí thuyết tiếp nhận vào việc dạy học văn bản văn chương ở nhà trường phổ thông và góp phần bổ sung, hoàn thiện lí thuyết về phương pháp dạy học Ngữ văn.

Học phần phát triển năng lực thực hành vận dụng các tiền đề của lí thuyết tiếp nhận, đặc biệt là lí thuyết tiếp nhận của người đọc vào việc bổ sung cho lí thuyết dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông; phát hiện, đề xuất được các mô hình, giải pháp nâng cao hiệu quả tiếp nhận văn học của bạn đọc - học sinh từ gợi ý của lí thuyết tiếp nhận.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Phát triển khả năng mô tả, khái quát các khuynh hướng, lí thuyết tiếp nhận văn học hiện đại;

CO2: Phát triển khả năng phân tích, khái quát, đánh giá các thành tựu và hạn chế của mỗi trường phái lí thuyết tiếp nhận, phê bình, nghiên cứu văn học;

CO3: Phát triển khả năng phân tích, đề xuất các quan điểm, nguyên tắc, phương pháp vận dụng lí thuyết tiếp nhận vào việc dạy học văn bản văn chương ở nhà trường phổ thông nhằm phát huy năng lực đọc độc lập, sáng tạo của HS.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Mô tả, khái quát được các khuynh hướng lí thuyết tiếp nhận văn học hiện đại; phân tích, đánh giá được ưu, nhược điểm của mỗi trường phái lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học;

CLO2: Vận dụng được các lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học vào quá trình điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông;

CLO3: Phân tích, đề xuất được quan điểm, nguyên tắc, phương pháp vận dụng lí thuyết tiếp nhận, đặc biệt là lí thuyết tiếp nhận của người đọc vào việc dạy học văn bản văn chương ở nhà trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực đọc độc lập, sáng tạo của HS.

CLO4: Đề xuất được các vấn đề nghiên cứu, các giải pháp vận dụng lí thuyết tiếp nhận văn học, đặc biệt là lí thuyết tiếp nhận của người đọc vào việc nâng cao hiệu quả đọc văn của HS ở nhà trường phổ thông.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Tổng quan [4 tiết (LT2,TH0,TL2)]

- 1.1. Ba yếu tố căn bản của văn học
- 1.2. Vai trò, vị trí của hoạt động tiếp nhận văn học
- 1.3. Khái niệm tiếp nhận văn học
- 1.4. Các câu hỏi nghiên cứu căn bản của lí thuyết văn học
- 1.5. Khái quát bức tranh lí thuyết tiếp nhận văn học

Chương 2: Khuynh hướng tiếp nhận lịch sử - phát sinh – Những thành tựu và hạn chế [15 tiết (LT9,TH2,TL4)]

- 2.1. Tổng quan
- 2.2. Một số lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học
 - 2.2.1. Phương pháp tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình của Chủ nghĩa thực chứng
 - 2.2.2. Phương pháp tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình của Phân tâm học

Chương 3: Khuynh hướng tiếp nhận Bản thể luận – Những thành tựu và hạn chế [15 tiết (LT9,TH3,TL3)]

- 3.1. Tổng quan
- 3.2. Một số lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học
 - 3.2.1. Phương pháp tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình của Chủ nghĩa hình thức Nga
 - 3.2.2. Phương pháp tiếp nhận, nghiên cứu của Phê bình mới
 - 3.2.3. Phương pháp tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình của Cấu trúc luận, Kí hiệu học

Chương 4: Khuynh hướng tiếp nhận lịch sử - chức năng – Những thành tựu và hạn chế [30 tiết (LT10,TH10,TL10)]

- 4.1. Tổng quan
- 4.2. Lí thuyết tiếp nhận của người đọc
 - 4.2.1. Lịch sử hình thành và phát triển
 - 4.2.2. Các câu hỏi cơ bản của lí thuyết tiếp nhận của người đọc
 - 4.2.3. Quan niệm mới của lí thuyết tiếp nhận của người đọc về Lịch sử văn học
 - 4.2.4. Quan niệm của lí thuyết tiếp nhận của người đọc về vai trò, vị thế của người sáng tạo – nhà văn
 - 4.2.5. Quan niệm của lí thuyết tiếp nhận của người đọc về vai trò, vị thế của văn bản văn chương
 - 4.2.6. Quan niệm của lí thuyết tiếp nhận của người đọc về vai trò, vị thế của người đọc
 - 4.2.7. Quan niệm của lí thuyết tiếp nhận của người đọc về hành động đọc và cơ chế đọc
 - 4.2.8. Quan niệm của lí thuyết tiếp nhận của người đọc về nghĩa và ý nghĩa của văn bản văn chương
 - 4.2.9. Quan niệm của lí thuyết tiếp nhận của người đọc về tính khách quan và chủ quan trong tiếp nhận văn bản văn chương

Chương 5: Sự gợi ý của lí thuyết tiếp nhận đối với việc dạy học tác phẩm văn chương ở nhà trường phổ thông [20 tiết (LT6,TH7,TL7)]

- 5.1. Tiếp cận đồng bộ trong xác định đặc trưng, mục tiêu chương trình, chuẩn đầu ra môn Ngữ văn
 - 5.1.1. Tác phẩm văn chương là một đối tượng nhận thức đặc thù
 - 5.1.2. Tiếp nhận văn chương là một hoạt động nhận thức thẩm mĩ đặc thù
 - 5.1.3. HS là một chủ thể tiếp nhận đặc thù
 - 5.1.4. HS là một chủ thể tiếp nhận đặc thù
 - 5.1.5. Môn Ngữ văn trong nhà trường phổ thông là một môn học đặc thù, đa chức năng

5.2. Tiếp cận đồng bộ trong việc đọc hiểu và dạy đọc hiểu tác phẩm văn chương ở nhà trường phổ thông

5.2.1. Quan điểm, nguyên tắc tiếp cận đồng bộ tác phẩm văn chương ở nhà trường phổ thông

5.2.2. Quan điểm, nguyên tắc tiếp cận đồng bộ trong dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả đọc văn của HS ở nhà trường phổ thông

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	X	X	X	X
Vấn đáp	X	X	X	X
Tự học	X	X	X	X
Thảo luận	X	X	X	X
Thực hành		X	X	X
Hướng dẫn			X	X
Hoạt động nhóm		X	X	X
Nghiên cứu tình huống			X	X
Chuyên đề				
Đồ án		X	X	X

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 2	CLO1-3	20%
3	Thuyết trình	Rubric 3	CLO2-4	
Kiểm tra thường xuyên				
	Viết tiểu luận giữa kỳ	Rubric 5	CLO2-3	30%
Thi cuối kỳ				
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	50%
Thang điểm				10

(Xem Phụ lục Rubrics đánh giá người học ở cuối bản CTĐT này)

7. Yêu cầu đối với người học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu tham dạy học

10.1. Giáo trình/ Tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Antoine Compagnon (2006): *Bản mệnh của lí thuyết - Văn chương và cảm nghĩ thông thường*, NXB ĐHSP Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Phan Trọng Luận chủ biên (2003), *Văn chương, bạn đọc sáng tạo*, Nxb ĐHQG, Hà Nội.

2. Charles R. Cooper, Editor (1989), *Researching response to literature and the teaching of literature: points of departure*, Ablex.

1NV215. Phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh phổ thông trong dạy học tiếng Việt/ Developing language ability for high school students in teaching Vietnamese.

- Mã học phần: 1NV215

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần nghiên cứu, xác định rõ cơ sở lí luận và thực tiễn về phát triển năng lực ngôn ngữ; cấu trúc của năng lực ngôn ngữ, sự thể hiện của năng lực ngôn ngữ và các biện pháp phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh phổ thông trong dạy học tiếng Việt. Trên cơ sở đó, học viên có khả năng vận dụng trong dạy học tiếng Việt trong chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn, nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh phổ thông, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Học phần phát triển năng lực nghiên cứu, phân tích và lí giải được những vấn đề lí luận về năng lực ngôn ngữ từ đó có khả năng vận dụng năng lực này vào thực tế dạy học tiếng Việt ở phổ thông hiện nay.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Phát triển được năng lực phân tích những vấn đề cơ bản về năng lực, năng lực ngôn ngữ, cấu trúc của năng lực ngôn ngữ; cách thức tiếp cận và giảng dạy các nội dung tiếng Việt theo hướng phát triển năng lực ngôn ngữ phù hợp với thực tế dạy học Ngữ văn hiện nay.

CO2: Phát triển tư duy phản biện và khả năng độc lập nghiên cứu về năng lực ngôn ngữ; có kĩ năng trong việc xây dựng nội dung dạy học phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh.

CO3: Phát triển năng lực sử dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học để nâng cao năng lực ngôn ngữ phù hợp với từng đối tượng học sinh phổ thông.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Xác định, phân tích được những nội dung chính của năng lực ngôn ngữ; cấu trúc của năng lực ngôn ngữ của học sinh phổ thông nói chung, cấu trúc của năng lực ngôn ngữ của đối tượng học sinh từng cấp học nói riêng.

CLO2: Phát triển năng lực phân tích, tổng hợp, khái quát hóa về năng lực ngôn ngữ và việc xây dựng nội dung dạy học nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ của học sinh, đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

CLO3: Phát triển năng lực xây dựng và lựa chọn các phương pháp dạy học; các hình thức kiểm tra – đánh giá về năng lực ngôn ngữ của học sinh ở từng chủ đề và các đối tượng cụ thể.

CLO4: Chủ động, tích cực, sáng tạo, ứng dụng nội dung học phần vào thực tiễn nghiên cứu khoa học giáo dục Ngữ văn để giải quyết các vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông và nhà trường các cấp.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Năng lực và năng lực ngôn ngữ [21 tiết (LT9,TH6,TL6)]

1.1. Năng lực

1.1.1. Khái niệm

1.1.2. Cấu trúc

1.2. Năng lực môn Ngữ văn

1.2.1. Quan niệm về năng lực môn Ngữ văn

1.2.2. Các năng lực của môn Ngữ văn

Chương 2: Năng lực ngôn ngữ và năng lực ngôn ngữ trong dạy học tiếng Việt [21 tiết (LT9,TH6,TL6)]

2.1. Năng lực ngôn ngữ

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Cấu trúc của năng lực ngôn ngữ

2.1.3. Sự thể hiện của năng lực ngôn ngữ trong dạy học tiếng Việt

2.1.4. Các hình thức phát triển năng lực ngôn ngữ trong dạy học tiếng Việt.

2.3. Mối quan hệ giữa năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học

Chương 3: Các biện pháp phát triển năng lực ngôn ngữ trong dạy học tiếng Việt cho học sinh phổ thông [21 tiết (LT9,TH6,TL6)]

3.1. Xây dựng nội dung dạy học tiếng Việt

3.2. Xác định mục tiêu dạy học tiếng Việt

3.3. Sử dụng các biện pháp, phương pháp dạy học tiếng Việt

3.4. Kiểm tra, đánh giá dạy học tiếng Việt

5. Hình thức dạy - học

Liệt kê các hình thức dạy học sử dụng trong học phần (Ví dụ: thuyết trình, thảo luận, thực hành, tham quan...).

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	x	x		
Vấn đáp	x	x	x	x
Tự học	x	x	x	x
Thảo luận	x	x	x	x
Thực hành	x	x	x	x
Hướng dẫn			x	x
Hoạt động nhóm	x	x	x	
Nghiên cứu tình huống			x	x
Chuyên đề				
Đồ án			x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)				
1	Vấn đáp/ Bài tập/ báo cáo/ thảo luận	Bảng kiểm	CLO1	30%
2	Vấn đáp/ trắc nghiệm/ viết/ thuyết trình/ thảo luận.	Bảng kiểm	CLO2	
3	Vấn đáp/ trắc nghiệm/ viết/ thuyết trình/ thảo luận.	Bảng kiểm	CLO2	
4	Vấn đáp/ trắc nghiệm/ viết tiểu luận/	Rubric	CLO3	

	thuyết trình/ thảo luận.			
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
	viết luận	Rubric	CLO2	
Thi cuối kì (01)				50%
	viết luận	Rubric	CLO3 CLO4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/ Tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Đỗ Ngọc Thống (Tổng chủ biên) (2018), *Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn trung học phổ thông*, Nxb Đại học sư phạm.

10.2. Tài liệu tham khảo

1.. Lê A, Nguyễn Quang Ninh, Bùi Minh Toán (1996), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt*, NXB Giáo dục, H.

2. Bùi Minh Toán (2002), *Tiếng Việt ở trường THPT*, NXB Đại học Sư phạm. H.

1NV228. Phát triển năng lực tạo lập văn bản cho học sinh phổ thông trong dạy học Ngữ văn/ Developing text creation skills for high school students in teaching Literature

- Số tín chỉ: 04

- Mã học phần: 1NV228

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn

- Điều kiện tiên quyết: Lí thuyết giao tiếp và việc tổ chức dạy học tiếng Việt

trong nhà trường phổ thông

1. Mô tả học phần

Học phần mở rộng, nâng cao kiến thức về năng lực tạo lập văn bản (cấu trúc, thành tố, các chỉ số hành vi) và các phương pháp, biện pháp dạy học Ngữ văn phát triển các thành tố trong cấu trúc năng lực tạo lập văn bản của học sinh. Đặc biệt học phần nghiên cứu sâu hơn các lí thuyết dạy tạo lập văn bản ứng dụng vào dạy học phát triển kĩ năng viết các kiểu, loại văn bản đáp ứng yêu cầu đổi mới của chương trình giáo dục phổ thông.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Nâng cao kiến thức, kĩ năng khảo sát, đánh giá thực trạng phát triển năng lực tạo lập văn bản của học sinh trong dạy học Ngữ văn ở trường Trung học;

CO2: Trình bày được cấu trúc, các thành tố và chỉ số hành vi của năng lực tạo lập văn bản của HS trung học trong dạy học Ngữ văn; Phân tích, lí giải, phân loại, so

sánh được các vấn đề lí luận và phương pháp dạy viết văn bản cho HS trung học theo định hướng phát triển năng lực tạo lập văn bản.

CO3: Có khả năng vận dụng các lí luận và phương pháp dạy viết văn bản vào việc phát triển năng lực tạo lập văn bản cho HS trung học trong dạy học Ngữ văn.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Phân tích, đánh giá được thực trạng dạy tạo lập văn bản, mối quan hệ giữa dạy viết với văn bản dạy đọc hiểu và văn bản dạy nói và nghe trong Chương trình, sách giáo khoa GDPT môn Ngữ văn 2018

CLO2: Phân tích được cấu trúc, các thành tố và chỉ số hành vi của năng lực tạo lập văn bản của HS trung học trong dạy học Ngữ văn. Phân tích, lí giải, phân loại, so sánh được các vấn đề lí luận và phương pháp dạy viết văn bản cho HS trung học theo định hướng phát triển năng lực tạo lập văn bản.

CLO3: Vận dụng hiệu quả các biện pháp phát triển năng lực tạo lập văn bản của HS trung học vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn dạy học tạo lập văn bản trong môn Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực.

CLO4: Chủ động, tích cực, sáng tạo, ứng dụng vào thực tiễn nghiên cứu khoa học giáo dục Ngữ văn để giải quyết các vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông và nhà trường các cấp.

4. Nội dung học phần

Chương 1:

Năng lực tạo lập văn bản [21 tiết (LT9,TH6,TL6)]

1.1. Năng lực và năng lực tạo lập văn bản của học sinh trung học

1.1.1. Năng lực

1.1.1.1. Khái niệm

1.1.1.2. Cấu trúc

1.1.2. Năng lực tạo lập văn bản

1.1.2.1. Khái niệm

1.1.2.2. Cấu trúc

1.1.2.3. Các thành tố của năng lực tạo lập văn bản

1.1.2.4. Chỉ số hành vi

1.2. Những điểm mới về dạy học tạo lập văn bản trong CTGDPT môn Ngữ văn 2018

1.2.1. Về quan điểm dạy học

1.2.2. Về chương trình và sách giáo khoa

1.2.3. Về mục tiêu, yêu cầu cần đạt

1.2.4. Về nội dung dạy học

1.2.5. Về phương pháp dạy học

1.2.6. Về kiểm tra đánh giá

Chương 2: Các biện pháp phát triển năng lực tạo lập văn bản cho HS trung học [21 tiết (LT9,TH6,TL6)]

2.1. Nội dung dạy học tạo lập văn bản trong nhà trường trung học theo chương trình GDPT mới

2.1. Xác định mục tiêu phát triển năng lực tạo lập văn bản của học sinh trung học

2.2. Xây dựng hệ thống bài tập phát triển năng lực tạo lập văn bản của học sinh trung học

2.3. Ra đề văn phát huy sáng tạo của học sinh trung học

2.4. Sử dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học phát triển năng lực tạo lập văn bản của học sinh trung học

2.5. Đánh giá năng lực tạo lập văn bản của học sinh trung học

Chương 3: Kỹ năng viết và dạy học viết ở trường trung học

theo chương trình Ngữ văn 2018 [21 tiết (LT9,TH6,TL6)]

- 1.1. Kỹ năng viết và năng lực tạo lập văn bản của học sinh
- 1.1.1. Kỹ năng viết
- 1.1.2. Năng lực tạo lập văn bản
- 1.2. Các định hướng của việc dạy viết cho học sinh trung học
- 1.2.1. Học sinh là chủ thể tích cực của quá trình dạy viết
- 1.2.2. Tích hợp chặt chẽ giữa dạy viết với dạy học đọc và dạy học nói - nghe
- 1.2.3. Dạy viết là dạy học sinh tư duy
- 1.2.4. Dạy viết là một tiến trình thực hành phức tạp, trải qua nhiều giai đoạn

Chương 4: Dạy chiến lược, kỹ thuật viết cho học sinh [21 tiết (LT9,TH6,TL6)]

- 2.1. Khái niệm
- 2.1.1. Chiến lược viết
- 2.1.2. Kỹ thuật viết
- 2.2. Các chiến lược, kỹ thuật viết cho học sinh
- 2.2.1. Các chiến lược viết
- Chiến lược trước khi viết
- Chiến lược trong khi viết
- Chiến lược sau khi viết
- 2.2.1. Các kỹ thuật viết theo đặc trưng kiểu bài, kiểu văn bản
- Kỹ thuật viết đoạn mở bài
- Kỹ thuật viết các đoạn văn
- Kỹ thuật viết kết bài
- Kỹ thuật kiểm tra, chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết
- Sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt
- Sử dụng kết hợp các thao tác lập luận
- Sử dụng kết hợp các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ
- 2.3. Xây dựng và sử dụng hồ sơ viết
- 2.3.1. Xây dựng hồ sơ dạy viết
- 2.3.2. Sử dụng hồ sơ dạy viết

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	X	X		
Vấn đáp	X	X	X	X
Tự học	X	X	X	X
Thảo luận	X	X	X	X
Thực hành	X	X	X	X
Hướng dẫn			X	X
Hoạt động nhóm	X	X	X	
Nghiên cứu tình huống			X	X
Chuyên đề				
Đề án			X	X

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số

Điểm chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1,2,3,4	10%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1,2,3,4	
Kiểm tra thường xuyên				
2	Viết tiểu luận	Rubric 3 (đánh giá tiểu luận)	CLO3,4	30%
Thi kết thúc học phần				
3	Viết	Rubric 4 (đánh giá bài thi viết)	CLO1,2,3,4	60%
Thang điểm				10

(Xem Phụ lục Rubrics đánh giá người học ở cuối bản CTĐT này)

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/ Tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Đỗ Ngọc Thống tổng chủ biên (2018), *Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn trung học phổ thông*, Nxb Đại học sư phạm.
2. Mai Thị Kiều Phương (2009), *Giáo trình Làm văn*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Mai Thị Kiều Phương (2009), *Giáo trình Phương pháp dạy và học kỹ năng làm văn: Lựa chọn – nghe – nói – đọc – viết*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
2. Nguyễn Quang Ninh (chủ biên) 2000, *Luyện cách lập luận trong đoạn văn nghị luận cho học sinh phổ thông*, Nxb ĐH Quốc gia Hà Nội.

1NV203. Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn/ Assessing of students' ability in teaching Philology objective

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 1NV203
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn

- Điều kiện tiên quyết: Lí thuyết tiếp nhận văn học và việc dạy học tác phẩm văn chương ở nhà trường phổ thông; Năng lực tạo lập văn bản của học sinh trong dạy học môn Ngữ văn; Lí thuyết giao tiếp và việc tổ chức dạy học tiếng Việt trong nhà trường phổ thông.

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phân cập nhật, mở rộng, nâng cao kiến thức về kiểm tra, đánh giá học sinh Trung học cơ sở và Trung học phổ thông trong dạy học môn Ngữ văn theo tiếp cận phát triển phẩm chất, năng lực ở trình độ Thạc sĩ. Đặc biệt, học viên sẽ được học sâu về các thang đo trong đánh giá năng lực; các công cụ chủ yếu trong đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì theo tiếp cận năng lực; các nguyên tắc và quy trình xây dựng công cụ đánh giá năng lực HS.

Năng lực đạt được:

Phân tích, lí giải được những vấn đề chung về đánh giá năng lực, các thang đo trong đánh giá năng lực và lựa chọn được thang đo phù hợp với mục tiêu và nội dung đánh giá năng lực HS trong dạy học Ngữ văn ở trường trung học; Giải thích và đưa ra được ví dụ về đánh giá năng lực học sinh trung học trong dạy học môn Ngữ văn theo các yêu cầu đánh giá phát triển năng lực.

Phân tích, lý giải và đưa ra được các ví dụ về sử dụng các hình thức và phương thức đánh giá năng lực HS trong dạy học môn Ngữ văn ở trường trung học phù hợp với đặc thù môn học và các yêu cầu về phẩm chất và năng lực của HS trung học.

Thiết kế, sử dụng được các công cụ đánh giá vào đánh giá năng lực HS trong dạy học môn Ngữ văn ở trường trung học theo đúng quy trình và kĩ thuật.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Phát triển năng lực nghiên cứu, phân tích, lí giải được những vấn đề cơ bản về đánh giá năng lực học sinh trung học: các thang đo trong đánh giá năng lực, những yêu cầu đánh giá năng lực HS theo PISA, các hình thức và phương pháp đánh giá, quy trình và kĩ thuật xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực HS trong dạy học môn Ngữ văn ở trường trung học.

CO2: Phát triển kĩ năng thiết kế, sử dụng các công cụ đánh giá năng lực HS trong dạy học Ngữ văn phù hợp với đặc thù môn học và các yêu cầu về phẩm chất, năng lực của HS trung học

CO3: Phát triển khả năng làm việc độc lập, tích cực vận dụng các lí thuyết về kiểm tra đánh giá trong giáo dục theo phát triển năng lực vào cải tiến, nâng cao chất lượng của hoạt động kiểm tra đánh giá năng lực học sinh, nâng cao chất lượng dạy học môn Ngữ văn trong nhà trường.

3. Chuẩn đầu ra của HP

CLO1: Phân tích, lí giải được những vấn đề chung về đánh giá năng lực, các thang đo trong đánh giá năng lực và lựa chọn được thang đo phù hợp với mục tiêu và nội dung đánh giá năng lực HS trong dạy học Ngữ văn ở trường trung học; Giải thích và đưa ra được ví dụ về đánh giá năng lực học sinh trung học trong dạy học môn Ngữ văn theo các yêu cầu đánh giá PISA.

CLO2: Phân tích, lý giải và đưa ra được các ví dụ về sử dụng các hình thức và phương thức đánh giá năng lực HS trong dạy học môn Ngữ văn ở trường trung học phù hợp với đặc thù môn học và các yêu cầu về phẩm chất và năng lực của HS trung học.

CLO3: Thiết kế, sử dụng và đánh giá được các công cụ đánh giá năng lực HS trong dạy học môn Ngữ văn ở trường trung học theo đúng quy trình và kĩ thuật.

CLO4: Chủ động, tích cực và sáng tạo trong học tập và ứng dụng vào thực tiễn kiểm tra đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Đánh giá kết quả giáo dục học sinh theo tiếp cận năng lực

[24 tiết (LT12,TH6,TL6)]

- 1.1. Khái niệm về đánh giá và đánh giá theo năng lực
- 1.2. Một số thang đo trong đánh giá năng lực HS.
 - 1.2.1. Thang tư duy Bloom
 - 1.2.2. Thang đo phát triển kỹ năng của Dreyful
 - 1.2.3. Thang đo các cấp độ tư duy của Niemiierko
 - 1.2.4. Thang phân loại năng lực của Singer
- 1.3. Đánh giá HS Việt Nam – nhìn từ yêu cầu của PISA.

Chương 2: Đánh giá năng lực học tập môn Ngữ văn của học sinh trung học phổ thông [24 tiết (LT12,TH6,TL6)]

- 2.1. Đặc thù của môn Ngữ văn
- 2.2 Những năng lực cần đánh giá của HS trong môn Ngữ văn
 - 2.2.1. Những năng lực chung
 - 2.2.2. Những năng lực đặc trưng
- 2.3. Các hình thức, phương pháp đánh giá năng lực HS trong môn Ngữ văn
 - 2.3.1. Đánh giá chẩn đoán
 - 2.3.2. Đánh giá quá trình
 - 2.3.3. Đánh giá định kì

Chương 3: Quy trình và kỹ thuật xây dựng công cụ đánh giá năng lực HS trong môn Ngữ văn [24 tiết (LT12,TH6,TL6)]

- 3.1. Quy trình xây dựng bộ công cụ đánh giá
 - Xác định mục đích
 - Xác định chuẩn
 - Thiết lập ma trận
 - Xây dựng công cụ
 - Thẩm định công cụ
 - Hoàn thiện công cụ
- 3.2. Các công cụ đánh giá
 - Câu hỏi
 - Bài tập
 - Phiếu hỏi
 - Hồ sơ học tập
 - Đề kiểm tra
- 3.3. Kỹ thuật xây dựng bộ công cụ đề thi
 - Sử dụng Ngữ liệu trong đề thi đánh giá năng lực môn Ngữ văn
 - Kỹ thuật xây dựng câu hỏi trong đề thi
 - Cấu trúc đề thi môn Ngữ văn theo tiếp cận đánh giá năng lực
 - Thiết kế đề thi môn Ngữ văn

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	X	X		
Vấn đáp	X	X	X	x
Tự học	X	X	X	x
Thảo luận	X	X	X	x
Thực hành	X	X	X	x
Hướng dẫn			X	x

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần			
Hoạt động nhóm	X	X	X	
Nghiên cứu tình huống			X	x
Tiểu luận				
Đề án			X	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Điểm chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1,2,3,4	10%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1,2,3,4	
Kiểm tra thường xuyên				
2	Viết tiểu luận	Rubric 3 (đánh giá tiêu luận)	CLO3,4	30%
Thi kết thúc học phần				
3	Viết	Rubric 4 (đánh giá bài thi viết)	CLO1,2,3,4	60%
Thang điểm				10

(Xem Phụ lục Rubrics đánh giá người học ở cuối bản CTĐT này)

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/ Tài liệu tham khảo bắt buộc

- Sái Công Hồng (2020), *Giáo trình kiểm tra đánh giá trong dạy học*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- Đoàn Thị Thanh Huyền, Lê Minh Nguyệt, Phan Thị Hồng Xuân (2021), *Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh THCS trong dạy học Ngữ văn*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thúy Hồng (2007), *Đổi mới đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn của học sinh THPT, THCS*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

2. Nguyễn Thị Phương Hoa chủ biên – Vũ Hải Hà đồng chủ biên (2014), *Pisa và những vấn đề của giáo dục Việt Nam*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.

Chọn 1 trong 2 học phần:

**INV301. Câu hỏi trong dạy học đọc văn ở nhà trường phổ thông/
Questions and exercises in teaching reading in secondary schools**

- Số tín chỉ: 4 (LT36, TH24, TL24)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần nâng cao, cập nhật những kiến thức chuyên sâu, có hệ thống về vai trò, đặc trưng, bản chất của các loại câu hỏi trong dạy học đọc văn, mối quan hệ giữa câu hỏi và tư duy; các nguyên tắc, tiêu chí, căn cứ để xây dựng câu hỏi phù hợp với đặc trưng thể loại văn bản và đối tượng người học; các thủ pháp xây dựng câu hỏi, tự đặt câu hỏi, tình huống có vấn đề trong dạy học đọc văn nhằm phát huy chủ thể sáng tạo của bạn đọc - học sinh ở nhà trường phổ thông.

Học phần phát triển năng lực thực hành vận dụng lí thuyết về câu hỏi và thiết kế, sử dụng câu hỏi hiệu quả trong dạy học đọc văn vào quá trình đổi mới PPDH và kiểm tra đánh giá kết quả đọc văn của HS ở nhà trường phổ thông; triển năng lực phát hiện và đề xuất được các mô hình, giải pháp nâng cao hiệu quả thiết kế và sử dụng câu hỏi hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng dạy học đọc văn ở nhà trường phổ thông.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Phát triển khả năng phân loại, phân tích, đánh giá vai trò, đặc trưng, bản chất của các loại câu hỏi trong dạy học đọc văn, mối quan hệ giữa câu hỏi và tư duy;

CO2: Phát triển khả năng phân tích, hệ thống hóa các nguyên tắc, tiêu chí, căn cứ xây dựng câu hỏi phù hợp với đặc trưng thể loại văn bản và đối tượng người học; các thủ pháp xây dựng câu hỏi, tình huống có vấn đề trong dạy học văn.

CO3: Phát triển khả năng thiết kế và sử dụng các loại câu hỏi phù hợp với đặc trưng thể loại văn bản và theo hướng phát triển năng lực hợp tác và giải quyết vấn đề, phát triển năng lực tư duy phản biện và tư duy sáng tạo của HS trong dạy học văn.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Khái quát, mô tả, phân loại và đánh giá được vai trò, đặc trưng, bản chất của các loại câu hỏi trong dạy học đọc văn, mối quan hệ giữa câu hỏi và tư duy;

CLO2: Phân tích, lựa chọn, đề xuất được các nguyên tắc, tiêu chí, căn cứ xây dựng câu hỏi phù hợp với đặc trưng thể loại văn bản và đối tượng người học; các thủ pháp xây dựng câu hỏi, tình huống có vấn đề trong dạy học văn.

CLO3: Thiết kế và sử dụng được các loại câu hỏi phù hợp với đặc trưng thể loại văn bản; có khả năng phát triển năng lực hợp tác và giải quyết vấn đề, năng lực tư duy phản biện và tư duy sáng tạo của bạn đọc - HS.

CLO4: Khảo sát, đánh giá được thực trạng thiết kế và hiệu quả sử dụng câu hỏi trong dạy học văn ở nhà trường phổ thông hiện nay; phát hiện và đề xuất được các vấn đề nghiên cứu, các giải pháp đổi mới phương pháp thiết kế và sử dụng các loại câu hỏi nhằm phát triển năng lực HS trong dạy học văn.

4. Nội dung chi tiết học phần

**Chương 1: Đặc trưng của hoạt động đọc văn và yêu cầu phát triển
kĩ năng đọc cho HS trong môn Ngữ văn**

1.1. Khái niệm văn bản

1.2. Khái niệm đọc văn và đọc hiểu văn bản

- 1.3. Đặc trưng của hoạt động đọc văn/ Hành động đọc/ Quá trình đọc văn
- 1.4. Đặc trưng của hoạt động đọc văn trong nhà trường
- 1.5. Các kĩ thuật đọc văn (Phân biệt với các kĩ thuật dạy đọc văn)
- 1.6. Đặc điểm của một người đọc tốt
- 1.7. Mục tiêu, yêu cầu, nội dung phát triển kĩ năng đọc cho HS trong môn Ngữ văn
- 1.7.1. Mục tiêu, yêu cầu phát triển kĩ năng đọc cho HS trong môn Ngữ văn
- 1.7.2. Nội dung và các loại, thể loại văn bản đọc hiểu trong môn Ngữ văn

Chương 2: Khái quát chung về câu hỏi trong dạy học đọc văn

- 2.1. Khái niệm câu hỏi
- 2.2. Phân loại câu hỏi
- 2.3. Quy trình xây dựng câu hỏi
- 2.4. Các chiến thuật đặt câu hỏi hiệu quả/ Kĩ thuật đặt câu hỏi hiệu quả
- 2.5. Vai trò của câu hỏi trong dạy học đọc văn
- 2.6. Môi quan hệ giữa câu hỏi và sự phát triển tư duy của HS trong dạy học đọc văn
- 2.7. Các loại câu hỏi trong dạy học đọc văn
- 2.7.1. Phân loại dựa theo các mức độ nhận thức, mức độ tiếp cận đối tượng
- 2.7.2. Phân loại dựa theo đặc điểm thể loại văn bản
- 2.7.3. Phân loại dựa theo tiến trình giờ đọc văn
- 2.7.4. Phân loại dựa theo đối tượng/ số lượng HS thực hiện
- 2.7.5. Phân loại dựa theo dạng hình thức của câu hỏi
- 2.7.6. Phân loại dựa theo chủ thể của câu hỏi

Chương 3: Các nguyên tắc, cách thức xây dựng câu hỏi trong dạy học đọc văn

- 3.1. Đặc điểm, tiêu chí của một hệ thống câu hỏi tốt trong dạy học đọc văn
- 3.2. Nguyên tắc xây dựng câu hỏi trong dạy học đọc văn
- 3.3. Căn cứ, cách thức, thủ pháp xây dựng câu hỏi trong dạy học đọc văn (theo một số loại câu hỏi)
- 3.3.1. Căn cứ, cách thức xây dựng câu hỏi đóng trong dạy học đọc văn
- 3.3.2. Căn cứ, cách thức xây dựng câu hỏi mở trong dạy học đọc văn
- 3.3.3. Căn cứ, cách thức xây dựng câu hỏi có vấn đề trong dạy học đọc văn

Chương 4: Xây dựng và sử dụng hệ thống câu hỏi theo các mức độ nhận thức trong dạy học đọc văn

- 4.1. Cơ sở lí luận
- 4.2. Đặc điểm của hệ thống câu hỏi theo các mức độ nhận thức trong dạy học đọc văn
- 4.3. Nguyên tắc, quy trình xây dựng
- 4.4. Hệ thống câu hỏi theo các mức độ nhận thức/ thang bậc tư duy
- 4.5. Sử dụng hệ thống câu hỏi theo các mức độ nhận thức trong dạy học đọc văn

Chương 5: Xây dựng và sử dụng hệ thống câu hỏi theo phạm vi kết nối đa chiều của văn bản trong dạy học đọc văn

- 5.1. Cơ sở lí luận
- 5.2. Đặc điểm của hệ thống câu hỏi theo các phạm vi kết nối đa chiều của văn bản
- 5.3. Nguyên tắc, quy trình xây dựng
- 5.4. Hệ thống câu hỏi theo các phạm vi kết nối đa chiều của văn bản

5.5. Sử dụng hệ thống câu hỏi theo theo các phạm vi kết nối đa chiều của văn bản

Chương 6: Xây dựng và sử dụng hệ thống câu hỏi theo đặc trưng thể loại văn bản trong dạy đọc văn

6.1. Cơ sở lí luận

6.2. Đặc điểm của hệ thống câu hỏi theo đặc trưng thể loại văn bản

6.3. Nguyên tắc, quy trình xây dựng

6.4. Hệ thống câu hỏi theo thể loại văn bản

6.5. Sử dụng hệ thống câu hỏi theo thể loại văn bản

Chương 7: Hướng dẫn học sinh tự đặt câu hỏi trong dạy đọc văn

7.1. Cơ sở lí luận

7.2. Tự đặt câu hỏi – một chiến thuật đọc văn hiệu quả

7.3. Chiến thuật, quy trình hướng dẫn HS tự đặt câu hỏi trong dạy đọc văn

7.4. Sử dụng chiến thuật tự đặt câu hỏi trong dạy đọc văn

Chương 8: Câu hỏi kiểm tra, đánh giá kĩ năng đọc văn của học sinh

8.1. Cơ sở lí luận

8.2. Đặc trưng của kiểm tra, đánh giá năng lực người học

8.3. Xây dựng câu hỏi kiểm tra, đánh giá năng lực đọc văn của HS

8.3.1. Câu hỏi trắc nghiệm

8.3.2. Câu hỏi tự luận

8.3.3. Câu hỏi mở và hướng dẫn chấm đề mở trong đánh giá năng lực đọc văn của HS

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	X	X	X	x
Vấn đáp	X	X	X	x
Tự học	X	X	X	x
Thảo luận	X	X	X	x
Thực hành		X	X	x
Hướng dẫn			X	x
Hoạt động nhóm		X	X	x
Nghiên cứu tình huống		X	X	x
Chuyên đề				
Đồ án		X	X	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 2	CLO1-3	20%
3	Thuyết trình	Rubric 3	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4	
Kiểm tra thường xuyên				30%

	Viết	Rubric 5	CLO2 CLO3	
Thi cuối kì				50%
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
Thang điểm				10

(Xem Phụ lục Rubrics đánh giá người học ở cuối bản CTĐT này)

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/ Tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Richard Paul – Linda Elder (2015), *Cẩm nang Tư duy đặt câu hỏi bản chất*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thanh Hùng (2021), *Lí luận và PP dạy học Văn – Cội nguồn, bản sắc, giá trị*, Nxb ĐHSP Hà Nội.

2. Albert Rutherford (2018), *Models of Critical Thinking*, Kindle Direct Publishing.

INV302. Vận dụng lí thuyết kí hiệu học vào việc dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông/ Applying semiotic theory to teaching reading in secondary schools

- Số tín chỉ: 4 (LT36, TH24, TL24)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn

- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cập nhật, bổ sung những kiến thức mới, cơ bản, có hệ thống về lí thuyết kí hiệu học và việc vận dụng vào việc dạy đọc văn trong nhà trường bao gồm: quan điểm, những thành tựu và hạn chế của lí thuyết kí hiệu học; quan điểm, nguyên tắc, cách thức, phương pháp vận dụng lí thuyết kí hiệu học vào việc dạy học văn bản văn chương ở nhà trường phổ thông góp phần bổ sung, hoàn thiện hoá hệ thống lí thuyết về phương pháp dạy học Ngữ văn.

Học phần phát triển năng lực thực hành vận dụng lí thuyết kí hiệu học văn học vào quá trình đổi mới PPDH và kiểm tra đánh giá kết quả đọc văn của HS ở nhà trường phổ thông; phát triển năng lực phát hiện và đề xuất được các mô hình, giải pháp nâng cao hiệu quả dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông từ tiền đề của lí thuyết kí hiệu học.

Bổ sung, phát triển được lí thuyết dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông từ các tiền đề của lí thuyết kí hiệu học.

Phát hiện, đề xuất và thực hiện được các đề tài nghiên cứu về việc vận dụng lí thuyết kí hiệu học trong dạy đọc văn bản văn chương.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Phát triển khả năng mô tả, khái quát lịch sử, nội dung các trường phái lí thuyết kí hiệu học.

CO2: Phát triển khả năng phân tích, lựa chọn, khái quát các luận điểm cơ bản của lí thuyết kí hiệu học, đặc biệt là kí hiệu học văn học, kí hiệu học văn hóa.

CO3: Phát triển khả năng vận dụng, đề xuất được quan điểm, nội dung, phương pháp vận dụng lí thuyết kí hiệu học vào việc dạy học văn bản văn chương ở nhà trường phổ thông nhằm phát huy năng lực đọc độc lập, sáng tạo của HS.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Trình bày, mô tả khái quát được lịch sử, nội dung các trường phái lí thuyết kí hiệu học trên thế giới.

CLO2: Phân tích, đánh giá, lựa chọn được các luận điểm phù hợp của lí thuyết kí hiệu học, đặc biệt là kí hiệu học văn học, kí hiệu học văn hóa để vận dụng vào quá trình thực hành đọc và dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông.

CLO3: Thực hành đọc văn và đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy đọc văn từ tiền đề của lí thuyết kí hiệu học.

CLO4: Khảo sát, đánh giá được thực trạng dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông hiện nay; phát hiện và đề xuất được các vấn đề nghiên cứu, các giải pháp đổi mới phương pháp dạy học văn bản văn chương ở nhà trường phổ thông trên cơ sở các gợi ý từ lí thuyết kí hiệu học.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Khái quát chung về kí hiệu học [21 tiết (LT9, TH6, TL6)]

- 1.1. Khái niệm kí hiệu và kí hiệu học
- 1.2. Nền tảng lí luận
 - 1.2.1. Lí thuyết ngôn ngữ của Ferdinand de Saussure
 - 1.2.2. Lí thuyết ngôn ngữ của nhóm ngôn ngữ học Prague (Praha)
 - 1.2.3. Lí thuyết nhân chủng học về huyền thoại của Claude Levi-Strauss
- 1.3. Lịch sử hình thành và phát triển
- 1.4. Đại diện tiêu biểu
- 1.5. Phạm vi nghiên cứu và ảnh hưởng

Chương 2: Lí thuyết kí hiệu học – Tóm tắt [30 tiết (LT14, TH8, TL8)]

- 2.1. Trường phái kí hiệu học châu Âu và mô hình nhị phân của F. Saussure
 - 2.1.1. Lịch sử
 - 2.1.2. Đại diện
 - 2.1.3. Quan điểm kí hiệu học
- 2.2. Trường phái kí hiệu học Mỹ và mô hình tam đoạn luận của C. Peirce
 - 2.2.1. Lịch sử
 - 2.2.2. Đại diện
 - 2.2.3. Quan điểm kí hiệu học
- 2.3. Trường phái kí hiệu học Moskva - Tartu và mô hình “kí hiệu quyền” của I. Lotman
 - 2.3.1. Lịch sử
 - 2.3.2. Đại diện
 - 2.3.3. Quan điểm kí hiệu học

Chương 3: Vận dụng lí thuyết kí hiệu học vào việc dạy đọc văn trong nhà trường [35 tiết (LT13, TH11, TL11)]

- 3.1. Lí thuyết về các “mã” (codes) của Roland Barthes và vận dụng trong dạy đọc văn

3.2. Lí thuyết tự sự học (narratology) của Tzvetan Todorov, Gérard Genette và vận dụng trong dạy đọc văn

3.3. Lí thuyết thi pháp học của M. Bakhtin và vận dụng trong dạy đọc văn

3.4. Lí thuyết huyền thoại của Claude Levi-Strauss và vận dụng trong dạy đọc văn

3.5. Lí thuyết về truyện dân gian của Vladimir Propp, A. J. Greimas và vận dụng trong dạy đọc văn

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	X	X	X	X
Vấn đáp	X	X	X	X
Tự học	X	X	X	X
Thảo luận	X	X	X	X
Thực hành		X	X	X
Hướng dẫn			X	X
Hoạt động nhóm		X	X	X
Nghiên cứu tình huống		X	X	X
Chuyên đề				
Đồ án		X	X	X

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 2	CLO1-3	20%
3	Thuyết trình	Rubric 3	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4	
Kiểm tra thường xuyên				
	Viết	Rubric 5	CLO2, CLO3	30%
Thi cuối kì				
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	50%
Thang điểm				10

(Xem Phụ lục Rubrics đánh giá người học ở cuối bản CTĐT này)

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/ Tài liệu tham khảo bắt buộc

1. IU. M. Lotman (2007), *Cấu trúc văn bản nghệ thuật*, Trần Ngọc Vương, Trịnh Bá Đĩnh, (Nguyễn Thu Thủy dịch), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Phương Lưu (2005), *Phương pháp luận nghiên cứu văn học*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Phan Trọng Luận chủ biên (2003), *Văn chương, bạn đọc sáng tạo*, Nxb ĐHQG, Hà Nội.
2. Phan Trọng Luận (2017), *Phương pháp luận giải mã văn bản Văn học*, Nxb ĐHSP Hà Nội.

Chọn 1 trong 2 học phần

1NV229. Dạy học trải nghiệm trong môn học và dạy học chương trình trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông/ Experiential learning in subjects and experiential, career-oriented education in secondary schools.

- Mã học phần: 1NV229
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản về dạy học trải nghiệm trong môn học và dạy học chương trình trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông. Trên cơ sở đó, học viên hình thành và rèn luyện các năng lực: xây dựng nội dung dạy học; lựa chọn các phương pháp dạy học trải nghiệm trong môn học và dạy học chương trình trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

Học phần phát triển năng lực nghiên cứu, phân tích và lí giải được những vấn đề lí luận và thực tiễn về dạy học trải nghiệm trong môn học và dạy học chương trình trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông; kĩ năng ứng dụng các vấn đề trên vào thực tiễn dạy học Ngữ văn.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Phát triển năng lực hiểu biết, phân tích những vấn đề cơ bản về trải nghiệm, hoạt động trải nghiệm; dạy học trải nghiệm trong môn học và dạy học chương trình trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông; mối quan hệ giữa dạy học trải nghiệm trong môn học và dạy học theo chương trình trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông; nội dung và phương pháp dạy học trải nghiệm trong môn học và dạy học theo chương trình trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông.

CO2: Phát triển tư duy phản biện và khả năng độc lập nghiên cứu, lập kế hoạch phù hợp với từng cấp học, lớp học về dạy học trải nghiệm trong môn học và dạy học chương trình trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông.

CO3: Phát triển năng lực sử dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học, kĩ thuật lập kế hoạch để xây dựng nội dung và lựa chọn phương pháp, biện pháp, hình thức dạy học trải nghiệm, linh hoạt điều chỉnh hoạt động, giải quyết vấn đề một cách sáng tạo; đánh giá được kết quả hoạt động một cách khách quan theo Chương trình Ngữ văn hiện nay.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Xác định, phân tích được những vấn đề lý thuyết cơ bản liên quan đến dạy học trải nghiệm trong môn học và dạy học chương trình trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông.

CLO2: Phát triển năng lực phân tích, tổng hợp, khái quát hóa về dạy học trải nghiệm trong môn học và dạy học chương trình trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông. thiết kế và tổ chức hoạt động: lập được kế hoạch hoạt động; thực hiện được các nhiệm vụ hoạt động: tạo động lực cho bản thân, thu hút người khác.

CLO3: Vận dụng những hiểu biết về dạy học trải nghiệm trong môn học và dạy học chương trình trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông để xây dựng nội dung và lựa chọn phương pháp, biện pháp, hình thức dạy học trải nghiệm, linh hoạt điều chỉnh hoạt động, giải quyết vấn đề một cách sáng tạo; đánh giá được kết quả hoạt động một cách khách quan theo Chương trình Ngữ văn hiện nay.

CLO4: Chủ động, tích cực, sáng tạo, ứng dụng nội dung học phần vào thực tiễn nghiên cứu khoa học giáo dục Ngữ văn để giải quyết các vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông và nhà trường các cấp.

4. Nội dung học phần

Chương 1. Những nội dung chính về hoạt động trải nghiệm trong môn học

[21 tiết (LT9,TH6,TL6)]

- 1.1. Trải nghiệm, giáo dục trải nghiệm
 - 1.1.1. Quan niệm về trải nghiệm
 - 1.1.2. Giáo dục trải nghiệm
- 1.2. Hoạt động trải nghiệm, tầm quan trọng của hoạt động trải nghiệm
 - 1.2.1. Hoạt động trải nghiệm
 - 1.2.2. Ý nghĩa của hoạt động trải nghiệm trong dạy học
- 1.3. Hoạt động trải nghiệm trong môn học
 - 1.3.1. Đặc điểm và yêu cầu của hoạt động trải nghiệm trong môn học
 - 1.3.2. Các hình thức hoạt động trải nghiệm trong môn Ngữ văn

Chương 2. Dạy học theo chương trình trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông [21 tiết (LT9,TH6,TL6)]

- 2.1. Mục tiêu và yêu cầu cần đạt dạy học chương trình trải nghiệm, hướng nghiệp
 - 2.1.1. Mục tiêu
 - 2.1.2. Yêu cầu cần đạt
- 2.2. Nội dung dạy học chương trình trải nghiệm, hướng nghiệp
 - 2.2.1. Năng lực thích ứng với cuộc sống.
 - 2.2.2. Năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động.
 - 2.2.3. Năng lực định hướng nghề nghiệp.
- 2.3. Mối quan hệ giữa dạy học trải nghiệm trong môn học và dạy học chương trình trải nghiệm, hướng nghiệp ở phổ thông.

Chương 3. Nội dung và hình thức dạy học trải nghiệm trong môn học và dạy học chương trình trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông

[21 tiết (LT9,TH6,TL6)]

- 3.1. Nội dung dạy học trải nghiệm trong môn học và dạy học chương trình trải nghiệm, hướng nghiệp ở cấp THCS và THPT
 - 3.1.1. Hoạt động hướng vào bản thân
 - 3.1.2. Hoạt động hướng đến xã hội
 - 3.1.3. Hoạt động hướng đến thiên nhiên
 - 3.1.4. Hoạt động hướng nghiệp
- 3.2. Các hình thức dạy học trải nghiệm trong môn Ngữ văn và dạy học chương trình trải nghiệm, hướng nghiệp ở THCS và THPT
 - 3.2.1. Sân khấu hóa tác phẩm văn học

- 3.2.2. Câu lạc bộ văn học
 3.2.3. Tham quan, tìm hiểu
 3.2.4. Tổ chức các trò chơi tiếng Việt

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	X	X		
Vấn đáp	X	X	X	X
Tự học	X	X	X	X
Thảo luận	X	X	X	X
Thực hành	X	X	X	X
Hướng dẫn			X	X
Hoạt động nhóm	X	X	X	
Nghiên cứu tình huống			X	X
Chuyên đề				
Đồ án			X	X

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)				
1	Vấn đáp/ Bài tập/ báo cáo/ thảo luận.	Bảng kiểm	CLO1	30%
2	Vấn đáp/ trắc nghiệm/ viết/ thuyết trình/ thảo luận.	Bảng kiểm	CLO2	
3	Vấn đáp/ trắc nghiệm/ viết/ thuyết trình/ thảo luận.	Bảng kiểm	CLO2	
4	Vấn đáp/ trắc nghiệm/ viết tiểu luận/ thuyết trình/ thảo luận.	Rubric	CLO3	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	viết luận	Rubric	CLO2	20%
Thi cuối kỳ (01)				
	viết luận	Rubric	CLO3, CLO4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/ Tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Đỗ Ngọc Thống (Tổng chủ biên (2018), *Đạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn trung học phổ thông*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông – Hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp*.

1NV230. Nghiên cứu khoa học ứng dụng chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt

- Mã học phần: 1NV230

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn

- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần trang bị trang cho học viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện được các nghiên cứu khoa học ứng dụng thuộc chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt chuẩn bị cho học viên khả năng thực hiện nghiên cứu khoa học độc lập và áp dụng kết quả nghiên cứu vào việc nâng cao chất lượng giảng dạy môn Ngữ văn trong nhà trường.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học: Học viên được rèn luyện khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến chuyên ngành; kỹ năng làm việc độc lập, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu, thông tin trong giáo dục hoặc trong phạm vi dạy học môn Văn – Tiếng Việt một cách khoa học và tiên tiến.

CO2: Vận dụng kiến thức vào thực tiễn: Học viên học cách áp dụng, đề xuất, kiểm nghiệm và phổ biến sử dụng các mô hình, giải pháp mới một cách phù hợp cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục, chất lượng dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt.

CO3: Phát triển năng lực tự chủ và trách nhiệm: Học viên có khả năng nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng, những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực dạy học Văn – Tiếng Việt.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Hiểu rõ các khái niệm, phương pháp và quy trình nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Lí luận và Phương pháp dạy học Văn - Tiếng Việt.

CLO2: Phát hiện và xác định vấn đề nghiên cứu có ý nghĩa thực tiễn trong giảng dạy Văn - Tiếng Việt.

CLO3: Thiết kế đề cương nghiên cứu, lựa chọn phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu phù hợp.

CLO4: Viết báo cáo khoa học, trình bày kết quả nghiên cứu một cách logic, khoa học.

CLO5: Ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn giảng dạy và cải tiến phương pháp dạy học.

CLO6: Có tinh thần nghiêm túc, trung thực và chủ động sáng tạo trong nghiên cứu khoa học

4. Nội dung học phần

Chương 1. Những vấn đề chung về nghiên cứu khoa học ứng dụng chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt

1.1. Đối tượng của phương pháp luận nghiên cứu khoa học ứng dụng chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt

1.2. Ý nghĩa của nghiên cứu khoa học ứng dụng chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt

1.3. Khái niệm

1.4. Đặc điểm của nghiên cứu khoa học ứng dụng chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt

1.5. Những xu hướng nghiên cứu hiện nay trong lĩnh vực Lí luận và Phương pháp dạy học Văn - Tiếng Việt.

Chương 2. Các phương pháp và công cụ nghiên cứu khoa học ứng dụng chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt

2.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lí thuyết

2.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

2.3. Phương pháp định tính và định lượng trong nghiên cứu khoa học ứng dụng chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt

2.4. Các công cụ thu thập dữ liệu: phiếu khảo sát, phỏng vấn, quan sát, thực nghiệm sư phạm.

2.5. Cách xử lý và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu giáo dục

Chương 3. Cách tiến hành nghiên cứu khoa học ứng dụng chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt

3.1. Xác định đề tài nghiên cứu

3.2. Xây dựng đề cương đề tài và lập kế hoạch nghiên cứu

3.3. Xây dựng khái niệm khoa học

3.4. Đo lường – thu thập dữ liệu

3.5. Phân tích dữ liệu

4.6. Báo cáo đề tài nghiên cứu và trình bày kết quả nghiên cứu

4.7. Phản biện, bảo vệ và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn dạy học môn Ngữ văn trong nhà trường

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần					
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết trình	X	x	x	X	x	x
Vấn đáp	X	x	x	X	x	x
Tự học	X	x	x	X	x	x
Thảo luận	X	x	x	X	x	x
Thực hành	X	x	x	X	x	x
Hướng dẫn	X	x	x	X	x	x
Hoạt động nhóm	X	x	x	X	x	x
Nghiên cứu tình huống	X	x	x	X	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Điểm chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ)	CLO1,2,3,4,5,6	10%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO1,2,3,4,5,6	
Kiểm tra thường xuyên				30%

2	Viết tiểu luận	Rubric 3 (đánh giá tiêu luận)	CLO3,4,5,6	
Thi kết thúc học phần				
3	Viết	Rubric 4 (đánh giá bài thi viết)	CLO1,2,3,4,5,6	60%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/ Tài liệu tham khảo bắt buộc

1. GS.TS. Nguyễn Hữu Minh (chủ biên), PGS.TS. Phan Thị Mai Hương, PGS.TS. Vũ Thị Thanh Hương, PGS.TS. Vũ Mạnh Lợi (2024), *Vận dụng phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính trong nghiên cứu: Từ hình thành ý tưởng đến phát hiện khoa học*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

2. Trịnh Văn Minh (chủ biên), Đặng Bá Lâm (2020), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo – Dự án Việt Bỉ (2010), *Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

2. Bùi Minh Hiền, Nguyễn Vũ Bích Hiền (đồng chủ biên) và nhiều tác giả (2020), *Quản lý và lãnh đạo nhà trường*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

Chọn 1 trong 2 học phần

INV208. Nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài ở trường phổ thông/ Methods of Researching, Teaching Foreign Literature at Schools

- Số tín chỉ: 03 (LT27, TH18, TL18)

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn

- Điều kiện tiên quyết: Các môn cơ sở ngành về ngôn ngữ, lí luận văn học, văn học

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức lý thuyết cơ bản về văn học nước ngoài, phân biệt được các khái niệm: *văn học thế giới, văn học nước ngoài, văn học dịch...*; xác định được tính đặc thù của các văn bản văn học nước ngoài; nội dung văn học nước ngoài trong chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn Trung học cơ sở (THCS) và Trung học phổ thông (THPT); những thuận lợi, khó khăn khi dạy - học và nghiên cứu văn bản văn học nước ngoài; một số vấn đề về dạy - học văn bản văn học nước ngoài ở trường phổ thông.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Phát triển khả năng phân tích, lí giải, hệ thống các phương pháp nghiên cứu và giảng dạy văn học nước ngoài theo định hướng phát triển năng lực và đặc trưng thể loại.

CO2: Phát triển khả năng nghiên cứu tác phẩm văn học nước ngoài (đặc biệt là trong chương trình phổ thông) theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu.

CO3: Phát triển năng lực thiết kế kế hoạch bài dạy, tổ chức tốt các hoạt động dạy - học tác phẩm văn học nước ngoài trong chương trình phổ thông theo hướng phát triển năng lực và đặc trưng thể loại.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Xác định được khái niệm văn học nước ngoài và các khái niệm hữu quan

CLO2: Hệ thống, phân loại và nắm bắt được các văn bản văn học nước ngoài trong chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn THCS và THPT

CLO3: Vận dụng hiệu quả các biện pháp phát triển năng lực của người học và các vấn đề theo đặc trưng thể loại văn học vào thực tiễn thiết kế và tổ chức dạy học văn bản văn học nước ngoài theo định hướng phát triển năng lực và đặc trưng thể loại.

CLO4: Chủ động, tích cực, sáng tạo, ứng dụng vào thực tiễn nghiên cứu khoa học giáo dục Ngữ văn để giải quyết các vấn đề đặt ra trong nghiên cứu văn học nước ngoài ở trường phổ thông.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Khái niệm văn học nước ngoài và các khái niệm hữu quan

[8 tiết (LT3, TH3, TL2)]

1.1. Văn học nước ngoài và văn học thế giới

1.1.1. Khái niệm văn học nước ngoài

1.1.2. Khái niệm văn học thế giới

1.2. Văn học dịch và dịch văn học

1.2.1. Khái niệm văn học dịch

1.2.2. Khái niệm dịch văn học

1.2.3. Đặc điểm của văn bản văn học dịch

Chương 2. Văn học nước ngoài trong chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn phổ thông [8 tiết (LT3, TH4, TL1)]

2.1. Nội dung văn học nước ngoài trong chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn phổ thông

2.1.1. Trong chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn THCS

2.1.2. Trong chương trình, sách giáo khoa Ngữ văn THPT

2.2. Những thuận lợi, khó khăn trong dạy học văn học nước ngoài ở trường phổ thông

2.2.1. Thuận lợi

2.2.2. Khó khăn

Chương 3. Vấn đề dạy học văn học nước ngoài ở trường phổ thông

[15 tiết (LT6, TH6, TL3)]

3.1. Tiếp cận và dạy học các văn bản văn học nước ngoài theo đặc trưng thể loại VH

3.1.1. Tiếp cận và dạy học văn bản sử thi

3.1.2. Tiếp cận và dạy học văn bản thơ

3.1.3. Tiếp cận và dạy học văn bản tiểu thuyết và truyện ngắn

3.1.4. Tiếp cận và dạy học văn bản kịch (kịch bản văn học)

3.2. Tiếp cận và dạy học các văn bản văn học nước ngoài theo định hướng hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh phổ thông

3.2.1. Tiếp cận và dạy học các văn bản văn học nước ngoài theo định hướng hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung cho học sinh

3.2.2. Tiếp cận và dạy học các văn bản văn học nước ngoài theo định hướng hình thành, phát triển các năng lực đặc thù cho học sinh

Chương 4. Vấn đề nghiên cứu văn học nước ngoài ở trường phổ thông

[11 tiết (LT5, TH3, TL3)]

4.1. Mục đích của việc nghiên cứu văn học nước ngoài ở trường phổ thông

4.2. Những vấn đề cụ thể của việc nghiên cứu văn học nước ngoài ở trường phổ thông

4.2.1. Vấn đề lựa chọn, xác định đề tài nghiên cứu

4.2.2. Vấn đề chỉ rõ lý do nghiên cứu

4.2.3. Vấn đề xác định đối tượng nghiên cứu

4.2.4. Vấn đề xác định mục tiêu nghiên cứu

4.2.5. Vấn đề xác định khách thể và phạm vi nghiên cứu

4.2.6. Vấn đề xác định và luận giải phương pháp nghiên cứu

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	x	X		
Vấn đáp	x	X	X	x
Tự học	x	X	X	x
Thảo luận	x	X	X	x
Thực hành	x	X	X	x
Hướng dẫn			X	x
Hoạt động nhóm	x	X	X	
Nghiên cứu tình huống			X	x
Chuyên đề				
Đề án				

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1	CLO1-4	20%
3	Thuyết trình, thảo luận	Rubric 2,3	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4	
Kiểm tra thường xuyên				
	Viết	Rubric 5	CLO2 CLO3	30%
Thi cuối kì				
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	50%
Thang điểm				10

(Xem Phụ lục Rubrics đánh giá người học ở cuối bản CTĐT này)

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/ Tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên) (2018), *Hướng dẫn dạy học môn Ngữ văn trung học phổ thông theo chương trình giáo dục phổ thông 2018*, Nxb ĐHSP, Hà Nội.
2. Phùng Văn Tửu (2003), *Cảm thụ và giảng dạy văn học nước ngoài*, Nxb Giáo dục.

10.1. Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên) (2018), *Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn trung học phổ thông*, Nxb ĐHSP, Hà Nội.

INV223. Tổng quan về lịch sử chương trình Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam/ Overview of the Literature program history in Viet Nam secondary schools

- Số tín chỉ: 03 (LT27, TH18, TL18)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản về chương trình và chương trình môn học Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử bằng cách cung cấp và hướng dẫn cho học viên cách thức cập nhật tìm kiếm thông tin về CTGDPT trên mạng Internet và các phương tiện media. Từ đó bước đầu so sánh, nhận xét những điểm tương đồng và khác biệt giữa CT môn học này của Việt Nam và một số nước trên thế giới.

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cốt lõi về môn Ngữ văn và vấn đề phát triển chương trình môn học; nội dung chương trình môn Ngữ văn qua các thời kỳ; quan niệm dạy học tác phẩm văn chương qua chương trình và sách giáo khoa từ sau CM tháng Tám đến nay; phát triển chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn trong bối cảnh mới.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Có khả năng thu thập, xử lý thông tin về chương trình môn học; phân tích nội dung chương trình môn học Ngữ văn; phát triển chương trình môn học Ngữ văn trong phạm vi nhà trường; so sánh, nhận xét những điểm tương đồng và khác biệt về quan niệm dạy học tác phẩm văn chương qua các thời kỳ qua chương trình và sách giáo khoa,...

CO2: Phát triển tư duy phản biện và khả năng độc lập nghiên cứu, lập kế hoạch phù hợp với từng cấp học, lớp học môn Ngữ văn trong chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn.

CO3: Phát triển năng lực sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, kỹ thuật lập kế hoạch để xây dựng nội dung và lựa chọn phương pháp, biện pháp, hình thức dạy

học Ngữ văn, linh hoạt điều chỉnh hoạt động, giải quyết vấn đề một cách sáng tạo; đánh giá được kết quả hoạt động một cách khách quan theo Chương trình Ngữ văn hiện nay.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Có kiến thức thực tế vững chắc và kiến thức lí thuyết sâu rộng về chương trình môn học Ngữ văn và vấn đề phát triển chương trình, sách giáo khoa môn Ngữ văn qua các thời kì đặc biệt trong bối cảnh mới.

CLO2: Phân tích, tổng hợp nội dung chương trình môn học Ngữ văn; so sánh, nhận xét những điểm tương đồng và khác biệt về quan niệm dạy học môn Ngữ văn trong các thời kì qua chương trình và sách giáo khoa.

CLO3: Có kĩ năng phát triển chương trình môn học Ngữ văn và dạy học môn Ngữ văn đáp ứng yêu cầu của chương trình.

CLO4: Chủ động, tích cực, sáng tạo, ứng dụng nội dung học phần vào thực tiễn nghiên cứu khoa học giáo dục Ngữ văn để giải quyết các vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông và nhà trường các cấp.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Môn Ngữ văn và vấn đề phát triển chương trình môn học [8 tiết (LT3,TH3,TL2)]

- 1.1. Tên môn học
- 1.2. Đối tượng của môn học Ngữ văn
- 1.3. Phạm vi và cấu trúc môn học
- 1.4. Tổng quát về sự phát triển chương trình GDPT môn Ngữ văn từ sau 1945
- 1.5. Một số kết quả trong nghiên cứu lí luận về chương trình giáo dục.

Chương 2. Nội dung chương trình môn Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam [8 tiết (LT3,TH4,TL1)]

- 2.1. Chương trình Ngữ văn từ năm 1945 đến 1954
- 2.2. Chương trình Việt văn ở miền Nam từ năm 1955 đến năm 1975
- 2.3. Chương trình Ngữ văn ở miền Bắc từ năm 1955 đến năm 1975
- 2.4. Chương trình Ngữ văn Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2000
- 2.5. Chương trình Ngữ văn Việt Nam từ sau năm 2000

Chương 3. Quan niệm dạy học tác phẩm văn chương qua chương trình, sách giáo khoa môn Ngữ văn từ sau Cách mạng [15 tiết (LT6,TH6,TL3)]

- 3.1. Cơ sở xác định quan niệm dạy học TPVC
- 3.2. Quan niệm dạy học TPVC qua CT, SGK miền Nam từ năm 1954 đến năm 1975
- 3.3. Quan niệm dạy học TPVC qua CT, SGK đợt cải cách giáo dục lần thứ ba (1986 - 2000)
- 3.4. Quan niệm dạy học TPVC qua CT, SGK đợt cải cách giáo dục lần thứ tư sau năm 2000

Chương 4. Phát triển chương trình môn Ngữ văn trong bối cảnh mới [11 tiết (LT5,TH3,TL3)]

- 4.1. Bối cảnh đất nước và yêu cầu hội nhập quốc tế
- 4.2. Xu thế phát triển chương trình GDPT
- 4.3. Tiếp cận mục tiêu môn học
- 4.4. Các năng lực chung và năng lực đặc thù cần hình thành và phát triển qua môn Ngữ văn
- 4.5. Xây dựng chương trình môn Ngữ văn theo hướng tích hợp
- 4.6. Đánh giá năng lực đọc hiểu của HS phổ thông nhìn từ yêu cầu của PISA
- 4.7. Đề văn và việc rèn luyện năng lực viết sáng tạo cho HS phổ thông

4.8. Hướng dẫn dạy học môn Ngữ văn THPT theo chương trình GDPT mới

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	x	x		
Vấn đáp	x	x	x	x
Tự học	x	x	x	x
Thảo luận	x	x	x	x
Thực hành	x	x	x	x
Hướng dẫn			x	x
Hoạt động nhóm	x	x	x	
Nghiên cứu tình huống			x	x
Chuyên đề				
Đồ án			X	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)				
1	Vấn đáp/ Bài tập/ báo cáo/ thảo luận.	Bảng kiểm	CLO1	30%
2	Vấn đáp/ trắc nghiệm/ viết/ thuyết trình/ thảo luận.	Bảng kiểm	CLO2	
3	Vấn đáp/ trắc nghiệm/ viết/ thuyết trình/ thảo luận.	Bảng kiểm	CLO2	
4	Vấn đáp/ trắc nghiệm/ viết tiểu luận/ thuyết trình/ thảo luận.	Rubric	CLO3	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	viết luận	Rubric	CLO2	20%
Thi cuối kì (01)				
	viết luận	Rubric	CLO3, CLO4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/ Tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Đỗ Ngọc Thống (2011), Chương trình Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

2. Bùi Minh Hiền, Nguyễn Vũ Bích Hiền (đồng chủ biên) và nhiều tác giả (2020), *Quản lí và lãnh đạo nhà trường*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Ngọc Thống (chủ biên) (2018), *Hướng dẫn dạy học môn Ngữ văn trung học phổ thông theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.

2. Đỗ Ngọc Thống (2006), *Tìm hiểu chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn THPT*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

Chọn 1 trong 2 học phần:

1NV226. Nghiên cứu và giảng dạy văn bản thông tin/ Researching and Teaching Informational Texts

- Số tín chỉ: 03

- Mã học phần: **1NV226**

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn

- Điều kiện tiên quyết: Văn học nhà trường trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông quốc tế thế kỉ XXI

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần cập nhật và trang bị kiến thức chuyên sâu về văn bản thông tin; các quan niệm về văn bản thông tin, chức năng và đặc điểm của văn bản thông tin; văn bản thông tin trong sách giáo khoa; nguyên tắc, phương pháp dạy đọc hiểu và dạy tạo lập văn bản thông tin trong môn Ngữ văn ở trường trung học.

Năng lực đạt được:

Phân tích, phản biện, luận giải về đặc điểm, vai trò, tác dụng của các yếu tố nội dung và hình thức của các văn bản thông tin trong sách giáo khoa môn Ngữ văn.

Vận dụng các nguyên tắc, phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực vào đổi mới dạy đọc hiểu và dạy tạo lập văn bản thông tin theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Vận dụng các kiến thức về văn bản thông tin và dạy học văn bản thông tin vào giải quyết được các vấn đề đặt ra trong thực tiễn dạy học môn Ngữ văn trong nhà trường đáp ứng yêu cầu đổi mới dạy học chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Phát triển năng lực tiếp nhận một số vấn đề chuyên sâu văn bản thông tin: các quan niệm về văn bản thông tin trong và ngoài nước; văn bản thông tin trong SGK nước ngoài.

CO2: Phát triển năng lực nghiên cứu, giao tiếp và năng lực tổ chức dạy học đọc hiểu và tạo lập VB thông tin ở trường trung học.

CO3: Chủ động, tích cực nghiên cứu, vận dụng kiến thức về văn bản thông tin, kiến thức về ngôn ngữ học văn bản và lí thuyết giao tiếp ngôn ngữ vào tổ chức dạy học đọc, viết các loại văn bản thông tin trong môn Ngữ văn ở trường trung học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Chỉ ra, xác định được những vấn đề chuyên sâu về văn bản thông tin (Khái niệm; VB thông tin ở một số quốc gia trên thế giới).

CLO2: Vận dụng, tổ chức được dạy đọc hiểu văn bản thông tin và tạo lập văn bản thông tin ở trường trung học.

CLO3: Chủ động, tích cực học tập và nghiên cứu ứng dụng vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông và nhà trường các cấp.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Văn bản thông tin [21 tiết (LT9,TH6,TL6)]

1. Các khái niệm liên quan đến văn bản thông tin
 - 1.1.1. Văn bản phi hư cấu (non-fiction text)
 - 1.1.2. Văn bản thông tin (informational text/informative text)
 - 1.1.3. Văn bản bình luận (expository text)
- 1.2. Văn bản thông tin trong chương trình GDPT của 1 số nước trên thế giới
- 1.3. Văn bản thông tin trong chương trình GDPT Việt Nam
 - 1.3.1. Chương trình Ngữ văn 2006
 - 1.3.2. Chương trình Ngữ văn 2018

Chương 2: Dạy học đọc hiểu văn bản thông tin ở trường trung học [21 tiết (LT9, TH6, TL6)]

- 2.1. Yêu cầu cần đạt về đọc hiểu văn bản thông tin ở Trung học phổ thông
 - 2.1.1. Các nguyên tắc dạy đọc hiểu văn bản thông tin
 - 2.1.2. Các phương pháp, kỹ thuật dạy học hiểu văn bản thông tin
 - 2.1.3. Đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản thông tin của học sinh trung học

Chương 3: Dạy học viết văn bản thông tin ở trường trung học [21 tiết (LT9, TH6, TL6)]

- 2.2. Yêu cầu cần đạt về dạy học viết văn bản thông tin ở trung học phổ thông
 - 2.2.1. Các nguyên tắc dạy viết văn bản thông tin
 - 2.2.2. Các phương pháp, kỹ thuật dạy học viết văn bản thông tin
 - 2.2.3. Đánh giá năng lực viết văn bản thông tin của học sinh trung học.

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	X	x		
Vấn đáp	X	x	X	x
Tự học	X	x	X	x
Thảo luận	X	x	X	x
Thực hành	X	x	X	x
Hướng dẫn			X	x
Hoạt động nhóm	X	x	X	
Nghiên cứu tình huống			X	x
Chuyên đề				
Đồ án			X	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1	CLO1-4	20%
3	Thuyết trình, thảo luận	Rubric 2,3	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4	
Kiểm tra thường xuyên				
	Viết	Rubric 5	CLO2 CLO3	30%

Handwritten signature

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Thi cuối kì				
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CL03, CLO4	50%
Thang điểm				10

(Xem Phụ lục Rubrics đánh giá người học ở cuối bản CTĐT này)

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/ Tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Nguyễn Hồng Nam (Chủ biên), Dương Thị Hồng Hiếu (2017), *Giáo trình phương pháp dạy đọc văn bản*, Nxb Đại học Cần Thơ.
2. Đỗ Ngọc Thống tổng chủ biên, Bùi Minh Đức chủ biên, (2018). *Dạy học phát triển năng lực học sinh môn Ngữ văn THPT*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Phạm Thị Thu Hương (Chủ biên), Đoàn Thị Thanh Nguyệt, Trịnh Thị Lan, Lê Thị Minh Nguyệt, Trần Hoài Phương, Phan Hồng Xuân (2017), *Giáo trình thực hành dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
2. Bùi Minh Đức (Tổng chủ biên) và nhiều tác giả (2020), *Đọc hiểu mở rộng văn bản Ngữ văn 10*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

INV225. Nghiên cứu và giảng dạy văn bản đa phương thức/ Researching and teaching multimodal texts

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: INV225
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Văn học nhà trường trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông quốc tế thế kỉ XXI.

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần:

Học phần cập nhật và trang bị kiến thức chuyên sâu về văn bản đa phương thức; các quan niệm về văn bản đa phương thức, đặc điểm, vai trò của văn bản đa phương thức; 1 số loại văn bản đa phương thức trong sách giáo khoa; dạy đọc hiểu và dạy tạo lập văn bản đa phương thức trong môn Ngữ văn ở trường trung học.

Năng lực đạt được:

Phân tích, luận giải về đặc điểm, vai trò của văn bản đa phương thức; tầm quan trọng của đọc hiểu và tạo lập văn bản đa phương thức.

Vận dụng vào dạy học sinh đọc hiểu và tạo lập văn bản đa phương thức trong SGK môn Ngữ văn ở trường trung học.

Vận dụng các kiến thức về văn bản đa phương thức và dạy học văn bản đa phương thức vào giải quyết được các vấn đề đặt ra trong thực tiễn dạy học môn Ngữ văn trong nhà trường đáp ứng yêu cầu đổi mới dạy học CTGDPT năm 2018.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Phát triển năng lực tiếp nhận một số vấn đề chuyên sâu văn bản đa phương thức: các quan niệm về văn bản đa phương thức trong và ngoài nước; văn bản đa phương thức trong SGK nước ngoài.

CO2: Phát triển năng lực nghiên cứu, giao tiếp và năng lực tổ chức dạy học đọc hiểu và tạo lập VB đa phương thức ở trường trung học.

CO3: Chủ động, tích cực nghiên cứu, vận dụng kiến thức về văn bản đa phương thức, kiến thức về ngôn ngữ học văn bản và lí thuyết giao tiếp ngôn ngữ vào tổ chức dạy học đọc, viết các loại văn bản đa phương thức trong môn Ngữ văn ở trường trung học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Chỉ ra, xác định, phân tích, lí giải được những vấn đề chuyên sâu về văn bản đa phương thức (quan niệm; văn bản đa phương thức trong SGK ở một số quốc gia trên thế giới....)

CLO2: Vận dụng, tổ chức được dạy đọc hiểu văn bản đa phương thức và tạo lập văn bản đa phương thức ở trường trung học.

CLO3: Chủ động, tích cực học tập và nghiên cứu ứng dụng vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong hoạt động chuyên môn ở nhà trường phổ thông và nhà trường các cấp.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Văn bản đa phương thức [21 tiết (LT9, TH6, TL6)]

1. Các khái niệm liên quan đến văn bản đa phương thức
 - 1.1.1. Văn bản phi hư cấu (non-fiction text)
 - 1.1.2. Văn bản đa phương thức (Multimodal text)
 - 1.1.3. Văn bản bình luận (expository text)
- 1.2. Văn bản đa phương thức trong chương trình Ngữ văn của một số nước
- 1.3. Văn bản đa phương thức trong chương trình GDPT môn Ngữ văn của Việt Nam
 - 1.3.1. Chương trình Ngữ văn 2006
 - 1.3.2. Chương trình Ngữ văn 2018

Chương 2: Dạy học đọc hiểu văn bản đa phương thức ở trường trung học [21 tiết (LT9, TH6, TL6)]

- 2.1. Yêu cầu cần đạt về đọc hiểu văn bản đa phương thức ở bậc trung học
 - 2.1.1. Các nguyên tắc dạy đọc hiểu văn bản đa phương thức
 - 2.1.2. Các phương pháp, kĩ thuật dạy học hiểu văn bản đa phương thức
 - 2.1.3. Đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản đa phương thức của học sinh trung học

Chương 3: Dạy học viết văn bản đa phương thức ở trường trung học [21 tiết (LT9, TH6, TL6)]

- 2.2. Yêu cầu cần đạt về dạy học viết văn bản đa phương thức ở trung học phổ thông
 - 2.2.1. Các nguyên tắc dạy viết văn bản đa phương thức
 - 2.2.2. Các phương pháp, kĩ thuật dạy học viết văn bản đa phương thức
 - 2.2.3. Đánh giá năng lực viết văn bản đa phương thức của học sinh trung học.

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần
-------------------	----------------------------

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	X	X		
Vấn đáp	X	X	X	x
Tự học	X	X	X	x
Thảo luận	X	X	X	x
Thực hành	X	X	X	x
Hướng dẫn			X	x
Hoạt động nhóm	x	X	X	
Nghiên cứu tình huống			X	x
Chuyên đề				
Đề án			X	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1	CLO1-3	20%
3	Thuyết trình, thảo luận	Rubric 2,3	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4	
Kiểm tra thường xuyên				
	Viết tiểu luận giữa kỳ	Rubric 5	CLO2 CLO3	30%
Thi cuối kì				
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	50%
Thang điểm				10

(Xem Phụ lục Rubrics đánh giá người học ở cuối bản CTĐT này)

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/ Tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Nguyễn Hồng Nam (Chủ biên), Dương Thị Hồng Hiếu (2017), *Giáo trình phương pháp dạy đọc văn bản*, Nxb Đại học Cần Thơ.

W

2. Đỗ Ngọc Thống tổng chủ biên, Bùi Minh Đức chủ biên, (2018). *Dạy học phát triển năng lực học sinh môn Ngữ văn trung học phổ thông*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Phạm Thị Thu Hương (Chủ biên), Đoàn Thị Thanh Nguyệt, Trịnh Thị Lan, Lê Thị Minh Nguyệt, Trần Hoài Phương, Phan Hồng Xuân (2017), *Giáo trình thực hành dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
2. Bùi Minh Đức (Tổng chủ biên) và nhiều tác giả (2020), *Độc hiểu mở rộng văn bản Ngữ văn 10*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

INVTT1. THỰC TẬP/ Practice teaching

- Số tín chỉ: 06
- Mã học phần: INVTT1
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Văn học nhà trường trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông thế giới thế kỉ XXI; Đánh giá năng lực học sinh trong dạy học Ngữ văn.

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần:

Dưới sự hướng dẫn của giảng viên chuyên ngành, người học phải thực hiện và hoàn thành các nội dung sau: Xây dựng mục tiêu, yêu cầu, nội dung thực tập cụ thể tại cơ sở thực tập trong 6 tuần; Quan sát, trải nghiệm dạy học, khảo sát, thu thập phân tích, tổng hợp thông tin dữ liệu đánh giá thực trạng chất lượng đổi mới dạy học chương trình, sách giáo khoa giáo dục THPT, THCS ở nhà trường các cấp trên cơ sở đó đề xuất được các vấn đề nghiên cứu có khả năng ứng dụng cao và khả năng phát triển tốt góp phần giải quyết các thách thức trong thực tiễn nâng cao chất lượng dạy học môn Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực người học.

Năng lực đạt được:

Khảo sát, đánh giá thực trạng tổ chức dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông bằng các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục.

Đề xuất được các đề tài nghiên cứu ứng dụng các nguyên lí, lí thuyết dạy học tiên tiến nhằm giải quyết, khắc phục những khó khăn thách thức trong thực tiễn nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học môn Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực người học.

Viết báo cáo thực tập dưới dạng một báo cáo khoa học.

2. Mục tiêu học phần

Học phần thực tập giúp học viên tiếp cận với thực tiễn giáo dục của chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt nhằm nâng cao khả năng giải quyết các vấn đề thực tế trên cơ sở vận dụng các nền tảng kiến thức, kỹ năng đã được tích lũy trong quá trình đào tạo. Học viên được hướng dẫn tìm hiểu thực trạng các vấn đề liên quan đến nghiên cứu, giảng dạy và kiểm tra đánh giá môn Văn - Tiếng Việt tại cơ sở thực tập. Trên cơ sở lý thuyết đã được học, học viên phân tích, đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề đó một cách hiệu quả.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Học viên chủ động liên hệ cơ sở thực tập đúng chuyên môn và phù hợp với điều kiện về địa điểm, chuyên môn để thực tập.

CLO2: Học viên chuẩn bị đầy đủ các nội dung, tài liệu liên quan đến công việc được giao trong quá trình thực tập. Chấp hành nghiêm chỉnh nội quy, quy định ở nơi thực tập; quy định của Khoa và Trường.

CLO3: Có thái độ nghiêm túc khi làm việc tại cơ sở thực tập, luôn cầu thị, học hỏi dưới sự hướng dẫn của cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn tại đơn vị thực tập cũng như của giảng viên hướng dẫn.

CLO4: Hoàn thành báo cáo thực tập cùng các tài liệu liên quan đúng nội dung và thời gian quy định.

4. Nội dung học phần

Nội dung 1: Tìm hiểu về đơn vị thực tập [20 tiết (TH15, TL5)]

- Sơ lược về sự hình thành và phát triển của cơ sở thực tập.
- Chức năng nhiệm vụ và các lĩnh vực hoạt động của đơn vị.
- Cơ cấu Tổ chức và tình hình nhân sự của đơn vị.
- Kết quả hoạt động của đơn vị.

Nội dung 2: Nghiên cứu tài liệu liên quan đến nội dung thực tập [150 tiết (TH60, TL90)]

- Học viên tiến hành thu thập tài liệu và nghiên cứu các nội dung sau:
- Nghiên cứu về lý thuyết đã học hoặc thu thập thông qua các văn bản, tài liệu của đơn vị...
- Tìm hiểu thực trạng về sử dụng các lý thuyết gắn với các vấn đề trong thực tiễn, việc giải quyết vấn đề nảy sinh trong thực tế khi đang thực tập.

Nội dung 3: Tiếp cận công việc thực tế [150 tiết (TH60, TL90)]

- Tìm hiểu thực trạng chủ đề lựa chọn thực tập
- Thu thập thông tin sơ cấp, thứ cấp, cơ sở dữ liệu thực tế tại cơ sở thực tập thông qua việc nghiên cứu tài liệu, tiếp cận thực tế, trực tiếp làm quen với những nội dung công việc tại cơ sở thực tập, tiếp cận với kỹ năng nghề nghiệp, giải thích những vấn đề đặt ra trong quá trình nghiên cứu tài liệu và tại cơ sở thực tập.

Nội dung 4: Viết báo cáo kết quả thực tập

- Xây dựng đề cương báo cáo khoa học về kết quả thực tập
- Viết báo cáo khoa học về kết quả thực tập (theo mẫu dưới đây).

CHƯƠNG 1: MỞ ĐẦU

- 1.1. Đặt vấn đề
- 1.2. Mục đích, yêu cầu

CHƯƠNG 2: NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

- 2.1. Thời gian, địa điểm
- 2.2. Nội dung thực tập
 - Nội dung 1:
 - Nội dung 2:
 - Nội dung 3:
- 2.3. Phương pháp thực hiện
- 2.4. Tiến độ thực hiện

CHƯƠNG 3: KẾT QUẢ THỰC TẬP

- 3.1. Tổng quan về địa điểm thực tập (mô tả về tóm tắt về lịch sử, cơ cấu tổ chức, hoạt động, đặc điểm, quy mô... của trường thực tập)
- 3.2. Kết quả điều tra/ thu thập/ đánh giá... về thực trạng nghiên cứu/ giảng dạy Văn - Tiếng Việt tại nơi thực tập
 - 3.2.1. Thực trạng
 - 3.2.2. Những thuận lợi và khó khăn
 - 3.2.3. Đề xuất một số giải pháp
- 3.3. Kết quả thực hiện một số biện pháp/giải pháp trong nghiên cứu/ giảng dạy Văn -

Tiếng Việt tại cơ sở thực tập (nếu có)

CHƯƠNG 4: KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

4.1. Kết luận

4.2. Đề nghị

TÀI LIỆU THAM KHẢO:.....

PHỤ LỤC

Thời gian, địa điểm:

Địa điểm: Tại các cơ sở thực tập theo danh sách kèm theo tại Quyết định này.

Lịch trình thời gian

Thời gian thực tập 6 tuần: từ ngày .../.../202... đến ngày / /202...

Lịch trình cụ thể được phân bổ như trong bảng sau (thời gian chỉ có tính minh họa) :

Thời gian	Nội dung	Địa điểm
Ngày tháng năm	Tập huấn công tác thực tập cho học viên	Khoa KHXH
Ngày tháng năm	Học viên đến địa điểm thực tập tìm hiểu, đánh giá khái quát về cơ sở thực tập	Đơn vị thực tập
Ngày tháng năm	Học viên viết và hoàn thiện đề cương thực tập dưới sự hỗ trợ của giảng viên hướng dẫn	Đơn vị thực tập
Ngày tháng năm	Nộp đề cương thực tập về Bộ môn Ngữ văn	Phòng Bộ môn Ngữ văn, Khoa KHXH
Ngày tháng năm	Khoa, Bộ môn lập hội đồng phê duyệt đề cương	
Ngày tháng năm	HV nhận đề cương thực tập đã được phê duyệt tại bộ môn Ngữ văn	Phòng Bộ môn Ngữ văn, Khoa KHXH
Ngày tháng năm	Học viên thực hiện nội dung thực tập theo đề cương đã được Khoa, bộ môn phê duyệt	Đơn vị thực tập
Ngày tháng năm	Sơ kết tại đơn vị thực tập	Đơn vị thực tập
Ngày tháng năm	Nộp báo cáo thực tập (03 bản)	Phòng Bộ môn Ngữ văn, Khoa KHXH
Ngày tháng năm	Tổ chức chấm báo cáo, tổng hợp điểm	Phòng Bộ môn Ngữ văn, Khoa KHXH
Ngày tháng năm	Nộp Báo cáo tổng hợp thực tập và Danh sách điểm lên Phòng QLĐT SDH	Phòng QLĐT SDH

Nội dung 4. Đánh giá báo cáo thực tập

Đánh giá dựa trên các tiêu chí, chỉ báo của rubric đánh giá báo cáo thực tập (xem mục 6 của đề cương học phần này).

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần		
	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết trình	X	X	
Vấn đáp	X	X	X
Tự học	X	X	X
Thảo luận	X	X	X

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần		
	CLO1	CLO2	CLO3
Thực hành	X	X	X
Hướng dẫn			X
Hoạt động nhóm	X	X	X
Nghiên cứu tình huống			X
Chuyên đề			
Đề án			X

6. Hình thức, phương pháp, rubric đánh giá học phần thực tập

Giảng viên hướng dẫn có trách nhiệm đánh giá toàn diện quá trình thực tập của học viên thông qua: thái độ tích cực học tập nghề nghiệp nâng cao và làm việc của học viên, tính chủ động, sáng tạo và chất lượng thực tập của học viên qua các báo cáo kết quả thực tập, chất lượng báo cáo và đánh giá của cơ sở thực tập.

Sử dụng Rubric đánh giá kết quả thực tập theo chuẩn đầu ra học phần thực tập và CĐR của CTĐT.

Báo cáo kết quả thực tập được chấm theo thang điểm 10, do cán bộ hướng dẫn và 01 cán bộ chuyên ngành chấm (*Điểm GV hướng dẫn chấm: Trọng số 50%; Điểm cán bộ chuyên ngành trong bộ môn chấm: Trọng số 50%*).

Rubric đánh giá báo cáo thực tập:

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO THỰC TẬP THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC Khóa đào tạo...

Tên đề tài:

Họ và tên học viên:

Họ và tên cán bộ đánh giá:

Đơn vị công tác:

Kết quả:

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm của TVHD
1. Tên đề tài - Thể hiện rõ nội dung, đối tượng và tác động - Có ý nghĩa thực tiễn	1,0	
2. Kết cấu báo cáo Theo đúng quy định (biểu mẫu) của Chương trình đào tạo và tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 297/QĐ-ĐHHĐ ngày 28/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức.	0,5	
3. Nội dung thực tập Học viên tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện trong quá trình thực tập theo quy định.	8,0	
6. Hình thức báo cáo	0,5	

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm của TVHD
Báo cáo được đánh máy vi tính cỡ chữ 13 hoặc 14; chế độ giãn dòng 1.3; lề trên 2cm, lề dưới 2cm, lề trái 3,5cm, lề phải 2cm; số trang đánh ở giữa phía trên trang giấy (trang 1 không đánh số). Trình bày trên giấy trắng khổ A4 (210x297mm), đóng bìa cứng, phải có chữ ký xác nhận và đóng dấu của cơ sở thực tập. Học viên phải nộp 3 bản báo cáo thực tập để lưu tại Bộ môn, Khoa.		
Tổng cộng	10,0	

Điểm bằng chữ:.....

Thanh Hóa, ngày tháng năm 20

Thành viên Hội đồng đánh giá

(Ký và ghi rõ họ tên)

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên học viên đăng ký và đề xuất địa điểm thực tập. Khoa, Bộ môn tổng hợp, rà soát điều kiện thực tập, đề xuất người hướng dẫn thực tập gửi về Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học. Hiệu trưởng ký quyết định thực tập cho học viên.

Điều kiện để học viên đi thực tập: Hoàn thành và đạt yêu cầu ít nhất 50% tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.

Học viên thực hiện nghiêm túc, đầy đủ quy định về mục tiêu, yêu cầu, nội dung thực tập chuyên môn của trường thực tập và của cơ sở đào tạo.

8. Kế hoạch tư vấn

Theo nhu cầu của người học trong suốt khóa trình đào tạo. Trong quá trình thực tập, cán bộ giáo viên hướng dẫn của cơ sở đào tạo có trách nhiệm tập huấn, tư vấn, hướng dẫn học viên thực hiện các nhiệm vụ của kì thực tập như đã mô tả ở mục 3 nội dung chi tiết học phần, đáp ứng chuẩn đầu ra.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/ Tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Giselle O. Martin – Kniep (2013), Tám đổi mới để trở thành người giáo viên giỏi, Nxb Giáo dục VN, Hà Nội.
2. Bùi Minh Hiền, Nguyễn Vũ Bích Hiền (2020), (đồng chủ biên) và nhiều tác giả, *Quản lý và lãnh đạo nhà trường*, Nxb ĐH sư phạm, Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án Việt Bỉ (2010), *Dạy và học tích cực – Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*. Nxb ĐH sư phạm, Hà Nội.
2. Trường đại học Hồng Đức, Các biểu mẫu ban hành kèm theo *Quyết định số 297/QĐ-ĐHĐ* ngày 28/01/2022 của Hiệu trưởng về việc Ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Hồng Đức và các biểu mẫu ban hành kèm theo *Quyết định số 847/QĐ-ĐHĐ* ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng về việc Ban hành Quy định xây dựng, cập nhật chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần tại trường Đại học Hồng Đức; *Quyết định của Hiệu trưởng phân công giảng*

viên hướng dẫn và triển khai thực tập cho học viên lớp Cao học khóa..., chuyên ngành Lý luận và Phương pháp DHBM Văn -Tiếng Việt năm học...

INVDA1. Đề án tốt nghiệp/ Graduation project

- Số tín chỉ: 09
- Mã học phần: **INVDA1**
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngữ văn
- Điều kiện tiên quyết: Sau khi học hết 70% học phần của chương trình đào tạo.

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần:

Đề án tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Văn – Tiếng Việt là một nghiên cứu ứng dụng các lí thuyết dạy học hiện đại, các thành tựu khoa học ngôn ngữ, văn học mang lại giá trị phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thực tế dạy học môn Ngữ văn ở trường. Đề án tốt nghiệp có tên đề tài và đề cương do người học đề xuất được người hướng dẫn và Trường môn đồng ý. Báo cáo đề án là một bản thuyết minh quá trình xây dựng, triển khai và kết quả triển khai đề án. Đề xuất, kiểm nghiệm được mô hình, giải pháp mới để giải quyết hiệu quả những khó khăn, thách thức trong thực tiễn giáo dục, dạy học môn Ngữ văn ở trường trung học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Đề án tốt nghiệp có cấu trúc 3 phần theo quy định. Đề án được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng.

Năng lực đạt được:

Nghiên cứu, đề xuất mô hình, giải pháp mới để giải quyết những khó khăn, thách thức trong thực tiễn giáo dục, dạy học môn Ngữ văn ở trường trung học.

Tổ chức kiểm nghiệm tính hiệu quả của các mô hình, giải pháp mới trong dạy học Ngữ văn trong nhà trường và các vấn đề liên quan.

Viết báo cáo Đề án tốt nghiệp thạc sĩ đáp ứng đầy đủ yêu cầu của một Đề án tốt nghiệp chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt.

2. Mục tiêu học phần

Phát triển năng lực nghiên cứu ứng dụng các nguyên lí, lí thuyết trong giáo dục vào việc đề xuất, kiểm nghiệm mô hình, giải pháp mới để giải quyết những khó khăn, thách thức trong thực tiễn dạy học môn Ngữ văn ở nhà trường các cấp.

Phát triển năng lực năng lực ứng dụng khoa học, công nghệ và giải quyết vấn đề liên quan đến chuyên ngành.

Phát triển năng lực viết báo cáo Đề án tốt nghiệp trình độ thạc sĩ đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng, trình độ cao phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và đất nước.

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Nghiên cứu, đề xuất mô hình, giải pháp mới để giải quyết những khó khăn, thách thức trong thực tiễn giáo dục, dạy học môn Ngữ văn ở trường trung học.

CLO2: Kiểm nghiệm các mô hình, giải pháp mới nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học môn Ngữ văn trong nhà trường và các vấn đề thuộc chuyên môn của chuyên ngành.

CLO3: Viết báo cáo Đề án tốt nghiệp thạc sĩ đáp ứng đầy đủ yêu cầu của một Đề án tốt nghiệp chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt.

4. Nội dung học phần

Nội dung 1: Đăng kí đề án và xây dựng đề cương nghiên cứu đề án thạc sĩ

[140 tiết (TH60, TL80)]

1.1. Học viên đăng ký đề án và người hướng dẫn

- 1.2. Học viên trao đổi và thống nhất người hướng dẫn về đề tài đề án và hướng thực hiện đề án.
- 1.3. Học viên xây dựng đề cương nghiên cứu đề án.
- 1.4. Bộ môn tổ chức góp ý đề cương nghiên cứu đề án
- 1.5. Học viên hoàn thiện đề cương, có xác nhận của người hướng dẫn và Trưởng bộ môn.
- 1.6. Hiệu trưởng ra quyết định phê duyệt tên đề án và người hướng dẫn cho học viên trước khi tổ chức đánh giá đề án ít nhất 3 tháng.
- 1.7. Học viên khảo sát, thu thập thông tin, tài liệu, phân tích, xử lý thông tin, dữ liệu đánh giá thực trạng chất lượng dạy học chương trình, sách giáo khoa GDPT môn Ngữ văn theo yêu cầu đổi mới.

Nội dung 2: Viết báo cáo đề án tốt nghiệp và tóm tắt đề án

[465 tiết (TH190, TL275)]

2.1. Viết báo cáo đề án tốt nghiệp

2.1.2. Căn cứ vào đề cương để viết báo cáo đề án thuyết minh quá trình xây dựng, triển khai và kết quả triển khai đề án, đáp ứng các yêu cầu sau:

Đề xuất và kiểm nghiệm được mô hình, giải pháp mới để giải quyết hiệu quả những thách thức trong thực tiễn.

Thể hiện năng lực ứng dụng khoa học, công nghệ và giải quyết vấn đề liên quan đến chuyên ngành học của học viên.

Phù hợp với các chuẩn mực về văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam.

Tuân thủ quy định của Nhà trường về liên chính học thuật và các quy định hiện hành của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Đề án có cấu trúc 3 phần không kể mục tài liệu tham khảo và phần phụ lục theo quy định tại mẫu 3 theo Quyết định số 297/QĐ-ĐHHD ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.

2.2. Viết tóm tắt đề án

2.2.1. Tóm tắt đề án có kích thước 148.5 x 210 mm (khổ A4 chia đôi), trình bày rõ ràng, không tẩy xóa. Số thứ tự của các hình vẽ, bảng biểu phù hợp như trong đề án

2.2.2. Tóm tắt nhiều nhất trong 24 trang trên hai mặt giấy, phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 11

2.2.3. Tóm tắt phải phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của đề án

2.3. Viết thông tin về đề án bằng tiếng Việt và tiếng Anh theo mẫu 9 theo Quyết định số 297/QĐ-ĐHHD ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.

Nội dung 3: Đánh giá đề án tốt nghiệp và sửa hoàn thiện báo cáo đề án nộp lưu trữ đề án tại thư viện trường [80 tiết (TH30, TL50)]

3.1. Đánh giá đề án tốt nghiệp

3.1.1. Đề án được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng.

3.1.2. Buổi bảo vệ được tổ chức công khai trừ những đề tài thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà nước.

3.1.3. Toàn bộ diễn biến của buổi bảo vệ được ghi âm, ghi hình và lưu trữ tại Nhà trường.

3.1.4. Hội đồng đánh giá ưu điểm, khuyết điểm tồn tại của đề án về nội dung, bố cục và hình thức của đề án. Tập trung chủ yếu đánh giá các vấn đề sau:

Tính cấp thiết, thời sự, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài đề án.

Sự không trùng lặp của đề tài nghiên cứu so với các công trình khoa học, đề án đã công bố ở trong và ngoài nước; tính trung thực rõ ràng và đầy đủ trong trích dẫn tài liệu TK.

Wf

Sự phù hợp giữa tên đề tài với nội dung nghiên cứu, cũng như với chuyên ngành và mã số đào tạo.

Độ tin cậy và tính hiện đại của phương pháp nghiên cứu đã sử dụng trong đề tài đề án.

Kết quả nghiên cứu mới của đề tài: khả năng vận dụng kết quả việc giải quyết các vấn đề thực tiễn (ứng dụng vào sản xuất, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và đời sống). Ý nghĩa khoa học, giá trị và độ tin cậy của những kết quả nghiên cứu.

3.1.5. Trường hợp khi Hội đồng đánh giá đề án cho học viên, nếu nội dung chưa đạt so với yêu cầu đề ra, Hội đồng yêu cầu học viên bổ sung nội dung để đạt mục tiêu ban đầu mới cho phép bảo vệ. Nếu không kịp thời gian, học viên gia hạn thời gian thực hiện theo quy định tại khoản 05 điều 26 Quyết định số 297/QĐ-ĐHHD ngày 28 tháng 01 năm 2022, không được thay đổi tên đề tài đề án khi học viên đã bảo vệ trước HĐ đánh giá.

3.2. Nộp lưu trữ đề án tại thư viện

3.2.1. Sau khi bảo vệ thành công, toàn văn báo cáo đề án (đã được tác giả đề án chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của hội đồng nếu có) được nộp và lưu trữ tại thư viện của Nhà trường

3.2.2. Toàn văn báo cáo đề án được công bố trên trang thông tin điện tử của Nhà trường, trừ những đề tài thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà nước

3.2.3. Thời gian nộp đề án tại thư viện trường trong thời gian ít nhất 30 ngày sau khi bảo vệ đề án

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần		
	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết trình	X	X	
Vấn đáp	X	X	X
Tự học	X	X	X
Thảo luận	X	X	X
Thực hành	X	X	X
Hướng dẫn		X	X
Hoạt động nhóm	X	X	X
Nghiên cứu tình huống		X	X
Đề án		X	X

6. Yêu cầu đối với học viên:

Sau khi học hết 70% học phần của chương trình đào tạo

Thực hiện đề án trong thời gian ít nhất 03 tháng.

Điều kiện để được bảo vệ đề án

+ Đã hoàn thành tất cả các học phần của chương trình đào tạo;

+ Đã nộp đề án, được người hướng dẫn đồng ý cho bảo vệ;

+ Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;

+ Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong đề án, có xác nhận về việc luận văn đạt yêu cầu về trích dẫn và chống đạo văn theo quy định của Nhà trường.

7. Hình thức, phương pháp đánh giá đề án

Sử dụng rubric đánh giá đề án tốt nghiệp của học viên, cụ thể xem bảng rubric dưới đây:

PHIẾU ĐÁNH GIÁ ĐỀ ÁN THẠC SĨ

1. Tên đề tài:
2. Ngành: Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt, mã số: 8140111
3. Họ và tên học viên:
4. Họ và tên cán bộ đánh giá:
5. Đơn vị công tác:
6. Ngày bảo vệ: Ngày tháng năm 20
7. Địa điểm:
8. Quyết định thành lập Hội đồng chấm Đề án Thạc sĩ số: /QĐ ngày / /20 của Hiệu trưởng Trường ĐH Hồng Đức.
9. Đánh giá đề án:

TT	CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Điểm tối đa	Điểm đánh giá của GV
I. Nội dung đề án (7.0 điểm)			
1.1	Tính cấp thiết, thời sự, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề án	0.5	
1.2	Độ tin cậy và tính hiện đại của phương pháp nghiên cứu	0.5	
1.3	Sự phù hợp giữa tên đề tài của đề án với nội dung nghiên cứu và với mã số chuyên ngành đào tạo.	0.5	
1.4	Tổng quan nghiên cứu phong phú và phù hợp với vấn đề nghiên cứu của đề án	0.5	
1.5	Thu thập và xử lý, phân tích thông tin, số liệu đúng kỹ thuật, đảm bảo độ tin cậy.	0.5	
1.6	Giá trị của kết quả nghiên cứu về lý luận và thực tiễn	4.0	
1.7	Bản tóm tắt đề án trung thành với bản chính văn	0.5	
II. Thành tích nghiên cứu (1.0 điểm)			
2	Văn bản xác nhận chuyển giao kết quả nghiên cứu; hoặc có bài báo khoa học liên quan đến nội dung đề án đã được công bố trên tạp chí khoa học Nhà trường hoặc các tạp chí khoa học chuyên ngành, kỉ yếu khoa học quốc gia, quốc tế được HĐCD giáo sư tính điểm công trình.	1.0	
III. Hình thức đề án (1.0 điểm)			
3.1	Bộ cục hợp lý, tổ chức các chương mục rõ ràng, logic.	0.5	
3.2	Trích dẫn và trình bày tài liệu tham khảo, hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng đúng quy định. Ngôn ngữ chuẩn mực không có sai sót về chính tả, ngữ pháp.	0.5	
IV. Bảo vệ đề án (1.0 điểm)			
4.1	Trình bày báo cáo rõ ràng, đúng trọng tâm của đề tài, đảm bảo thời gian quy định. Có minh họa, có sử dụng các phương tiện nghe nhìn	0.5	

TT	CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Điểm tối đa	Điểm đánh giá của GV
4.2	Trả lời các câu hỏi của Hội đồng đầy đủ, chính xác, thể hiện tốt năng lực bảo vệ đề tài	0.5	
Tổng cộng		10	

Điểm bằng chữ:.....

Thanh Hóa, ngày tháng năm 20
Thành viên Hội đồng đánh giá đề án Thạc sĩ
(Ký và ghi rõ họ tên)

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện trường.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình/ Tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Giselle O.Martin – Kniep (2013), Tám đổi mới để trở thành người giáo viên giỏi, Nxb Giáo dục VN, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Dạy và học tích cực – Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*. Nxb ĐH sư phạm, Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

1. Bùi Minh Hiền, Nguyễn Vũ Bích Hiền (đồng chủ biên) và nhiều tác giả (2020), *Quản lý và lãnh đạo nhà trường*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
2. Trường Đại học Hồng Đức (2022), 1. Các biểu mẫu ban hành kèm theo *Quyết định số 297/QĐ -ĐHHĐ ngày 28/01/2022 của Hiệu trưởng về việc Ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Hồng Đức*.

VI. Tài liệu tham khảo để xây dựng chương trình

1. Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 quy định về chuẩn CTĐT, xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.
3. Thông tư số 23/2021/TT-BGD ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành *Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ*.
4. Quyết định số 847/QĐ-ĐHHĐ ngày 15 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng quy định *Xây dựng, rà soát, bổ sung, cập nhật, chỉnh sửa chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần đối với đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và các biểu mẫu*.
5. Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt *Khung trình độ quốc gia Việt Nam*.

6. *Tầm nhìn và sứ mạng của trường đại học Hồng Đức*, nguồn <http://hdu.edu.vn/tam-nhin-va-su-mang.html>
7. Công văn số 361/CV-ĐHHD ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc rà soát, cập nhật, bổ sung, chỉnh sửa CTĐT, ĐCCTHP trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.
8. Kế hoạch số 197/KH-ĐHHD về Hành động khắc phục và cải tiến chất lượng CTĐT sau đánh giá ngoài của trường đại học Hồng Đức ban hành ngày 27/6/2024.
9. TT 09/2022 quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục Đại học.
10. Biên bản họp và các ý kiến góp ý của chuyên gia tại Hội đồng thẩm định CTĐT thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt họp ngày 20 tháng 1 năm 2025.
11. Trường ĐHSP Hà Nội, CTĐT Thạc sĩ chuyên ngành Lí luận và Phương pháp dạy học Văn-Tiếng Việt. Nguồn: https://sdh.hnue.edu.vn/Portals/HNUE_POSTGRA_PROGRAM/603-PPDH-Van-TV-638418357142039980.pdf
12. Trường ĐHSP Hà Nội 2, CTĐT Thạc sĩ LL&PPDH bộ môn Văn-Tiếng Việt. Nguồn: <https://philology.hpu2.edu.vn/public/fileupload/source/%C4>
12. Trường ĐHSP Đà Nẵng, CTĐT Thạc sĩ LL&PPDH bộ môn Văn-Tiếng Việt. Nguồn: <https://daotao.ued.udn.vn/wpcontent/uploads/2021/11/LLPPDHBMNV.pdf>
13. The Master of Arts in English Language and Literature Teaching. Ateneo de manila University, Philipin. Nguồn: <http://www.ateneo.edu/ls/soh/english>.

VII. Hướng dẫn thực hiện chương trình

1. Chương trình đào tạo ngành được áp dụng

Đào tạo hình thức chính quy theo định hướng ứng dụng.

Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức và Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đầu mỗi khóa học Nhà trường thông báo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa cho từng CTĐT để định hướng cho học viên. Thời gian đào tạo được quy định như sau:

+ Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa phải phù hợp với thời gian quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời bảo đảm đa số học viên hoàn thành chương trình đào tạo. Thời gian đào tạo từ 18 tháng đến 24 tháng.

+ Thời gian tối đa để học viên hoàn thành khóa học không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo.

- Thực hiện việc xét miễn, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

2. Trách nhiệm và tổ chức thực hiện

Trường Khoa Khoa học Xã hội có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các Bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần đúng với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ. Trường Bộ môn Ngữ văn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định;

Khoa Khoa học Xã hội chủ trì xây dựng kế hoạch kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết (nếu có) cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo, chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra của từng học phần và của chương trình đào tạo;

Trường các Phòng, Ban, Trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch thực hành, thực tập và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

3. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách lấy người học làm trung tâm, chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy tính chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập, nghiên cứu; định hướng hiệu quả để người học đạt được các chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của cả chương trình đào tạo.

Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương học phần và đề cương chi tiết học phần đảm bảo đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của chương trình đào tạo.

4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Đánh giá kết quả học tập dựa trên chuẩn đầu ra, phải làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra mỗi học phần và chương trình đào tạo. Đánh giá kết quả người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết để thấy được sự tiến bộ của người học từ đó làm căn cứ để đánh giá chương trình đào tạo và điều chỉnh chương trình đào tạo.

Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo, đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

5. Quy định về bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về nhà trường (qua phòng Quản lý đào tạo Sau đại học). Chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo Nhà trường thông qua và có Quyết định của Hiệu trưởng./.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Bùi Văn Dũng

W